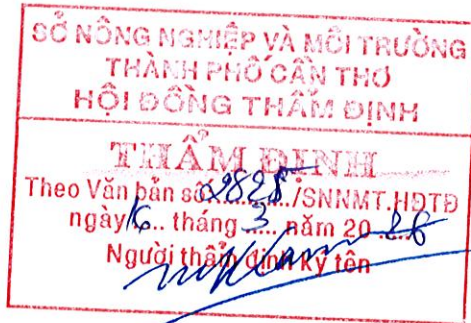


HỒ SƠ BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THẠNH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HƯNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ



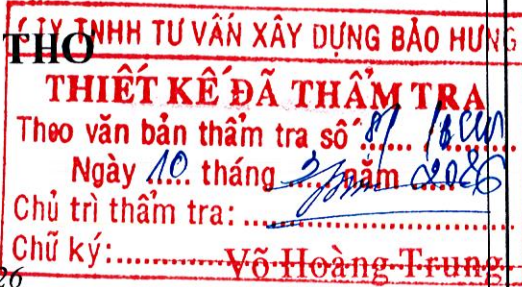


Mai Hoàng Tâm

HỒ SƠ BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THẠNH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HUNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ



CHỦ ĐẦU TƯ
PHÓ CHỦ TỊCH
CHI CỤC THỦY LỢI
Nguyễn Văn Hải

Cần Thơ, ngày 05 tháng 03 năm 2026
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM

MINH TÂM
Nguyễn Hoàng Kha



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 2828/SNNMT.HĐĐ
ngày 10 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

HỒ SƠ BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

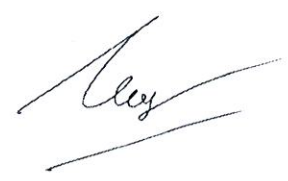
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG

GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIỀU

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THẠNH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HƯNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo Văn bản thẩm tra số 1/BCH
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: Võ Hoàng Trung
Chữ ký:

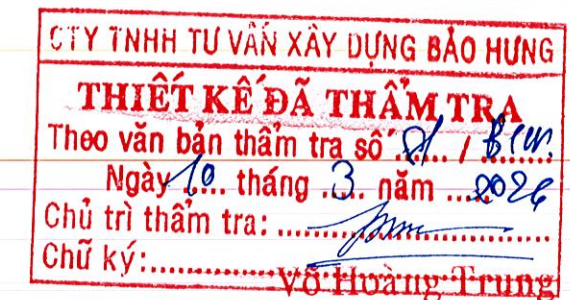
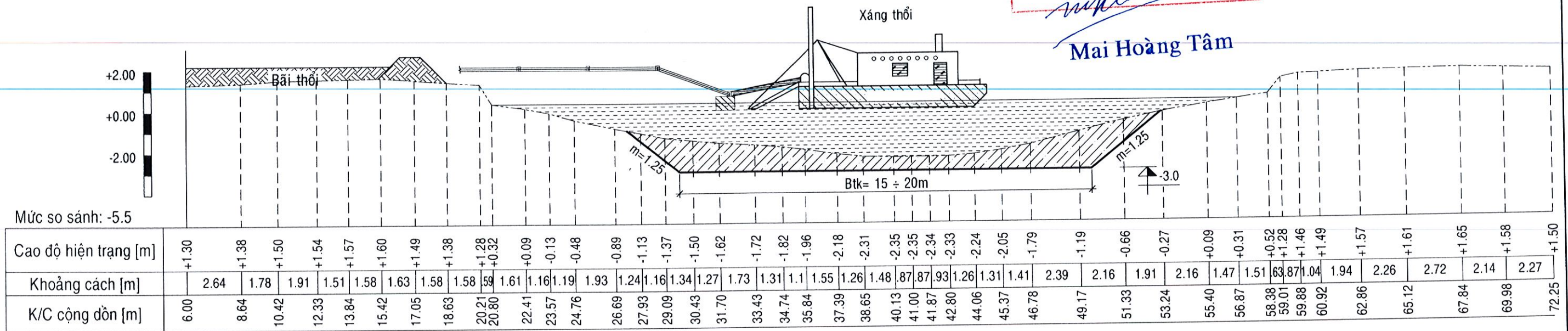
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP MINH TÂM	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG				Tỉ Lệ :1/200 :1/2000
	BẢN VẼ BÌNH ĐỒ - CẮT DỌC - CẮT NGANG				HOÀN THÀNH NĂM 2026
GIÁM ĐỐC	CN THIẾT KẾ	THIẾT KẾ		KIỂM TRA	
 Nguyễn Hoàng Kha	 Nguyễn Thanh Giang	 Bùi Thanh Lương	 Đỗ Hữu Duy	 Nguyễn Hoàng Kha	



CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 1: ĐOẠN TỪ KÊNH LÁNG HẦM ĐẾN KÊNH NÀNG MAU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HƯNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH BIỆN PHÁP THI CÔNG NẠO VẾT KÊNH BẰNG XÁNG THỔI



Mai Hoàng Tâm



THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

1. QUY MÔ CÔNG TRÌNH:

- Tổng chiều dài tuyến: L = 15.333 m
- Gói 2: Đoạn từ kênh Nàng Mau đến kênh Lái Hiếu (lý trình K7+920 đến 15+333)
- Qui mô nạo vét kênh:
 - Chiều dài tuyến kênh: L = 7.413 m
 - Chiều rộng đáy kênh thiết kế: B = 15 ÷ 20m;
 - Hệ số mái đào kênh: m = 1,25;
 - Cao trình đáy kênh: - 3,0m;
 - Cơ lưu không: L_{ik} ≥ 2m.
- Qui mô đê bao (đoạn từ K8+200 đến K8+900 và đoạn từ K12+100 đến K13+400):
 - Bề rộng mặt bờ bao: B = 5m.
 - Cao trình bờ bao: +2,5m.
 - Hệ số mái đắp bờ bao: m = 1,00.

2. THIẾT BỊ THI CÔNG:

- Xáng cạp gầu 1.25m³.
- Xà lan
- Tàu kéo.
- Máy đào 0.80m³.
- Xáng thổi

3. GIẢI PHÁP THI CÔNG:

- Phát hoang dọn dẹp mặt bằng.
- Xác định tim tuyến công trình.
- Lắp đặt biển báo an toàn giao thông thủy bộ.
- Dùng xáng cạp nạo vét đất lòng kênh, đổ đất 2 bên.
- Thi công nạo vét thành nhiều đợt, tránh nạo vét 1 đợt gây sạt lở bờ kênh.
- Đất nạo vét đổ phải đảm bảo cơ lưu không thiết kế.
- Dùng máy đào gầu 0.8m³ san sửa bờ đê theo hồ sơ thiết kế.

4. GHI CHÚ:

- Kích thước, cao độ ghi trong bản vẽ là m.
- Trước khi thi công phải báo cho nhân dân trong khu vực biết để sắp xếp thu hoạch, gieo trồng và di lại cho phù hợp.
- Khi có vướng mắc cần liên hệ các bên có liên quan để giải quyết.



CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THẠNH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HÙNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 333/SNNMT.HĐTD
ngày 16 tháng 3 năm 2016.
Người thẩm định ký tên

THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 81 / ĐPM
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: [Signature]
Chữ ký: [Signature]



3Đ - Trang 14

BÌNH ĐỒ TL: 1/2000

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HUNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 8.28.../SNNMT-HĐTĐ
ngày 06... tháng 03... năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm



CHÚ GIẢI:

- | | |
|-------------------------------|------------------------------------|
| Trạm máy đo vẽ | Mộ đất, mộ xây |
| Cao độ tự nhiên | Cột đèn, cây nước |
| Giếng hố khoan, hố khoan | Bờ đất, gò đắp cao |
| Cổng dưới đường, cầu gỗ | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| Cầu sắt, cầu bê tông | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| Cầu tre, cầu treo | Cây lá kim, cây lá rộng |
| Đường dây điện hạ thế | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| Đường dây điện trung thế | Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| Đường dây điện cao thế | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| Cáp thông tin, giếng kiểm tra | Cây cối, lao, sậy, dừa nước |
| Sân gạch, Sân Xi măng | Rừng cây bụi |
| Nhà kiên cố | Rào tạm |
| Nhà bán kiên cố | Rào B40 trụ bê tông |
| Nhà mái tole, vách tường | Rào xây |
| Nhà mái tole, vách tole | Kênh rạch, ao, mương |
| Nhà mái lá, vách lá | Cọc ranh |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 8.../B.T.M.
Ngày 10... tháng 03... năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

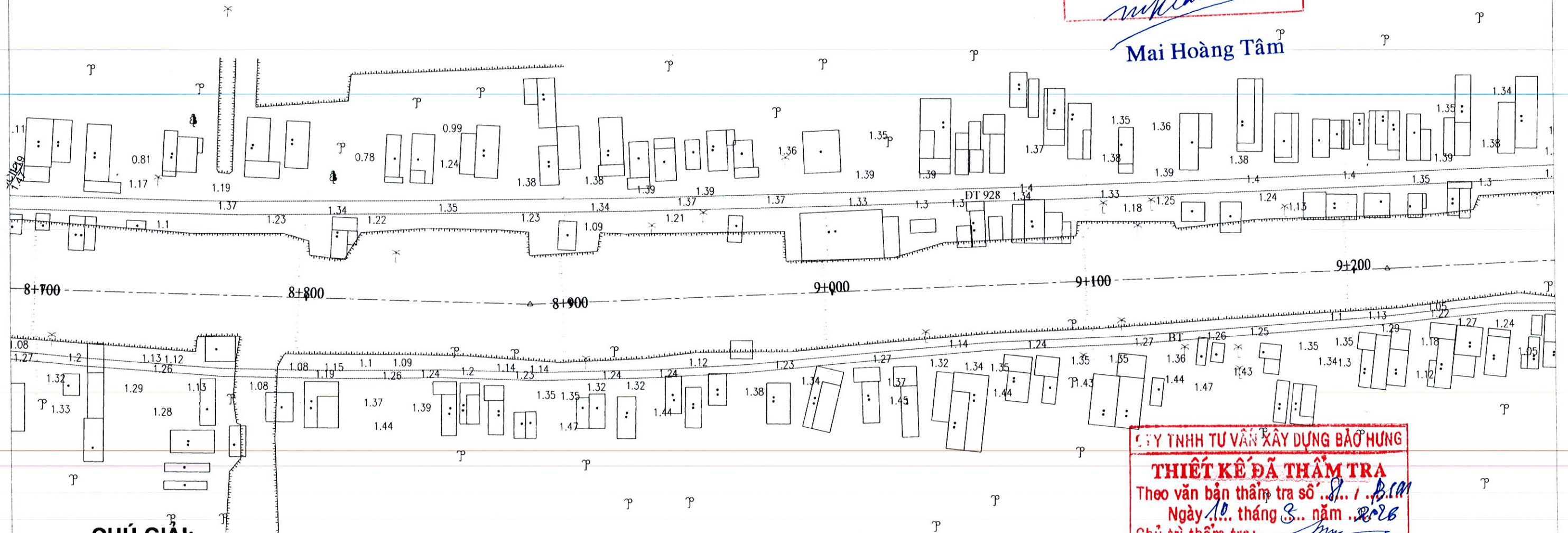


BÌNH ĐỒ TL: 1/2000

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HÙNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 2825/SNNMT.HĐTĐ
ngày 16 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm



CHÚ GIẢI:

- Trạm máy đo vẽ
- Cao độ tự nhiên
- Giếng hố khoan, hố khoan
- Cống dưới đường, cầu gỗ
- Cầu sắt, cầu bê tông
- Cầu tre, cầu treo
- Đường dây điện hạ thế
- Đường dây điện trung thế
- Đường dây điện cao thế
- Cáp thông tin, giếng kiểm tra
- Sân gạch, Sân Xi măng
- Nhà kiên cố
- Nhà bán kiên cố
- Nhà mái tole, vách tường
- Nhà mái tole, vách tole
- Nhà mái lá, vách lá

- Mộ đất, mộ xây
- Cột đèn, cây nước
- Bờ đất, gò đắp cao
- Cây ăn quả, cây công nghiệp
- Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối
- Cây lá kim, cây lá rộng
- Cây hỗn hợp, lúa, màu
- Sen, súng, ấu, bèo, tre nửa
- Hoa cây cảnh, rau, cỏ
- Cây cói, lao, sậy, dừa nước
- Rừng cây bụi
- Rào tạm
- Rào B40 trụ bê tông
- Rào xây
- Kênh rạch, ao, mương
- Cọc ranh

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 81/ĐSA
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: Võ Hoàng Trung
Chữ ký:



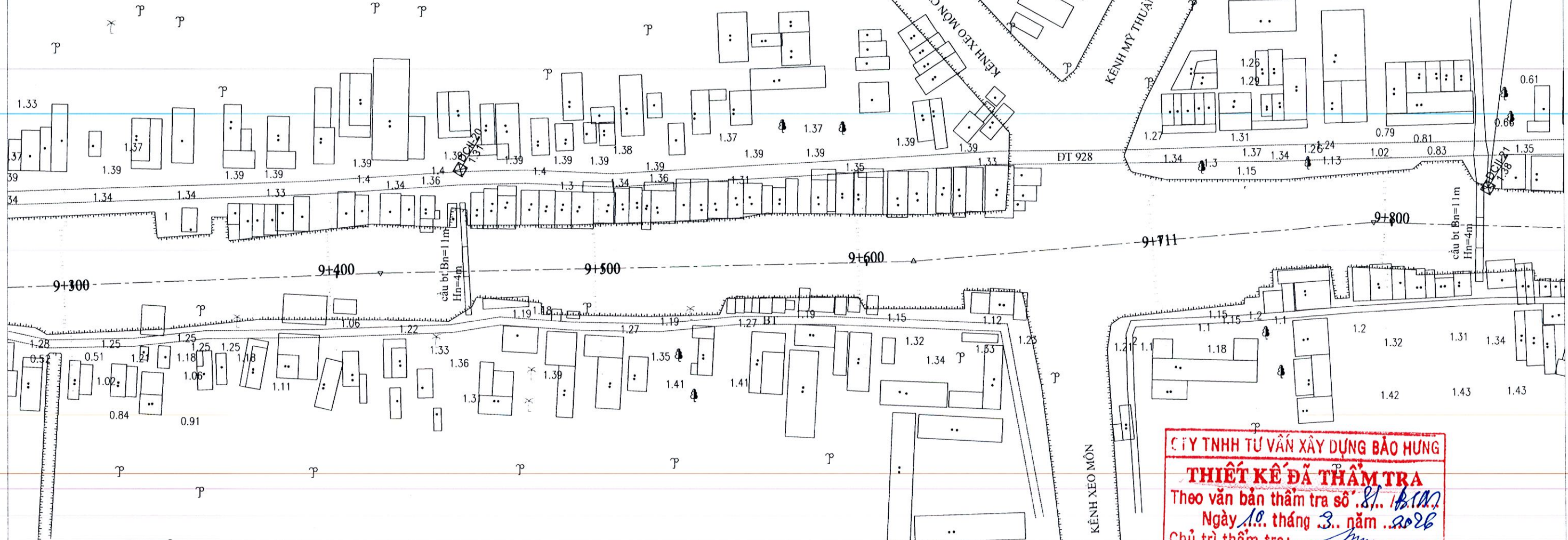
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHUNG HIỆP - HIỆP HUNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 2888/SNNMT-HĐTĐ
 ngày 16 tháng 03 năm 2026
 Người thẩm định ký tên

điểm gửi +1.38m gửi
trên mốc sứ

Mai Hoàng Tâm



CHÚ GIẢI:

- | | |
|---------------------------------|--------------------------------------|
| ✦ Trạm máy đo vẽ | ⊕ Mộ đất, mộ xây |
| +1.153 Cao độ tự nhiên | ⌈ Cột đèn, cây nước |
| ⊗ Giếng hố khoan, hố khoan | ⌋ Bờ đất, gò đắp cao |
| ⌋ Cống dưới đường, cầu gỗ | ⌋ Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| ⌋ Cầu sắt, cầu bê tông | ⌋ Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| ⌋ Cầu tre, cầu treo | ⌋ Cây lá kim, cây lá rộng |
| ⌋ Đường dây điện hạ thế | ⌋ Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| ⌋ Đường dây điện trung thế | ⌋ Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| ⌋ Đường dây điện cao thế | ⌋ Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| ⌋ Cáp thông tin, giếng kiểm tra | ⌋ Cây cói, lao, sậy, dừa nước |
| ⌋ Sân gạch, Sân Xi măng | ⌋ Rừng cây bụi |
| ⌋ Nhà kiên cố | ⌋ Rào tạm |
| ⌋ Nhà bán kiên cố | ⌋ Rào B40 trụ bê tông |
| ⌋ Nhà mái tole, vách tường | ⌋ Rào xây |
| ⌋ Nhà mái tole, vách tole | ⌋ Kênh rạch, ao, mương |
| ⌋ Nhà mái lá, vách lá | ⌋ Cọc ranh |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÁ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số 81/B.T.M.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Chủ trì thẩm tra:

Chữ ký:

Võ Hoàng Trung



CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THẠNH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HUNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
 THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số: 888/SNNMT-HĐTĐ
 ngày 16 tháng 03 năm 2026
 Người thẩm định ký tên: *Mai Hoàng Tâm*



Mai Hoàng Tâm

CHÚ GIẢI:

- | | |
|---------------------------------|--------------------------------------|
| ✦ Trạm máy đo vẽ | ⊕ Mộ đất, mộ xây |
| +1.153 Cao độ tự nhiên | ☐ Cột đèn, cây nước |
| ☒ Giếng hố khoan, hố khoan | — Bờ đất, gò đắp cao |
| — Cống dưới đường, cầu gỗ | ☐ Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| — Cầu sắt, cầu bê tông | ☐ Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| — Cầu tre, cầu treo | ☐ Cây lá kim, cây lá rộng |
| — Đường dây điện hạ thế | ☐ Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| — Đường dây điện trung thế | ☐ Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| — Đường dây điện cao thế | ☐ Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| ☐ Cáp thông tin, giếng kiểm tra | ☐ Cây cói, lao, sậy, dừa nước |
| ☐ Sân gạch, Sân Xi măng | ☐ Rừng cây bụi |
| ☐ Nhà kiên cố | ☐ Rào tạm |
| ☐ Nhà bán kiên cố | ☐ Rào B40 trụ bê tông |
| ☐ Nhà mái tole, vách tường | ☐ Rào xây |
| ☐ Nhà mái tole, vách tole | ☐ Kênh rạch, ao, mương |
| ☐ Nhà mái lá, vách lá | ☐ Cọc ranh |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

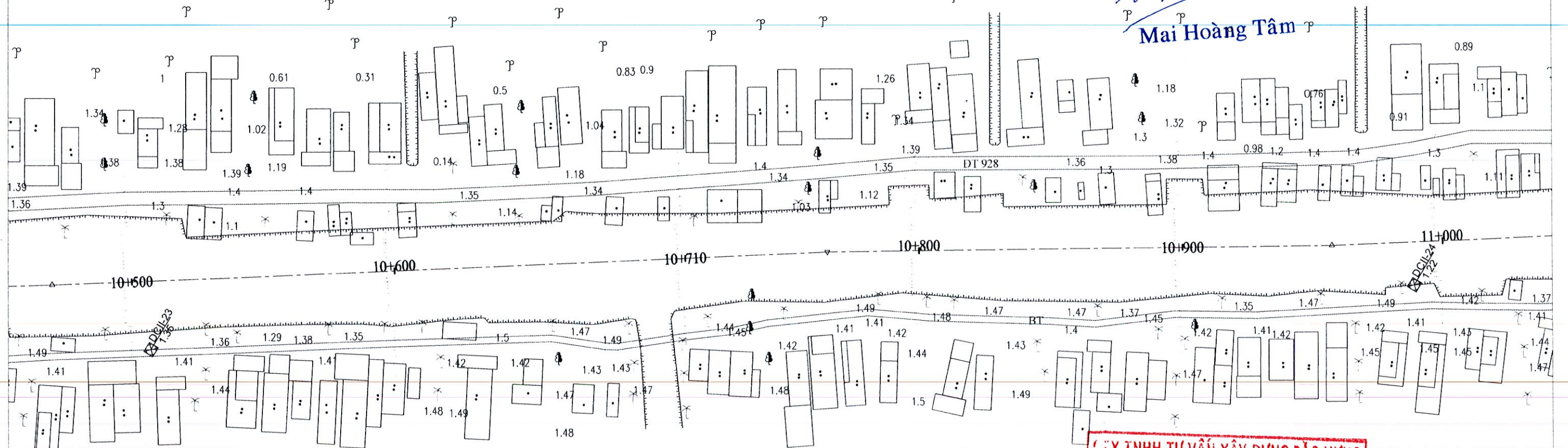
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số: 888/SNNMT-HĐTĐ
 Ngày 16 tháng 03 năm 2026
 Chủ trì thẩm tra: *Mai Hoàng Tâm*
 Chữ ký: *Mai Hoàng Trung*



CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HÙNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
 THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 1825/SNNMT.HĐTD
 ngày 16 tháng 03 năm 2026
 Người thẩm định ký tên



CHÚ GIẢI:

- | | | | |
|--------|-------------------------------|---|------------------------------------|
| ✦ | Trạm máy đo vẽ | ⊕ | Mộ đất, mộ xây |
| +1.153 | Cao độ tự nhiên | ⌈ | Cột đèn, cây nước |
| ⊗ | Giếng hồ khoan, hố khoan | ⌋ | Bờ đất, gò đắp cao |
| ⌈ | Cống dưới đường, cầu gỗ | ⌋ | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| ⌈ | Cầu sắt, cầu bê tông | ⌋ | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| ⌈ | Cầu tre, cầu treo | ⌋ | Cây lá kim, cây lá rộng |
| ⌈ | Đường dây điện hạ thế | ⌋ | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| ⌈ | Đường dây điện trung thế | ⌋ | Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| ⌈ | Đường dây điện cao thế | ⌋ | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| ⌈ | Cáp thông tin, giếng kiểm tra | ⌋ | Cây cối, lao, sậy, dừa nước |
| SG | Sân gạch, Sân Xi măng | ⌋ | Rừng cây bụi |
| .. | Nhà kiên cố | ⌋ | Rào tạm |
| . | Nhà bán kiên cố | ⌋ | Rào B40 trụ bê tông |
| TT | Nhà mái tole, vách tường | ⌋ | Rào xây |
| T | Nhà mái tole, vách tole | ⌋ | Kênh rạch, ao, mương |
| L | Nhà mái lá, vách lá | ⌋ | Cọc ranh |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẠO HÙNG

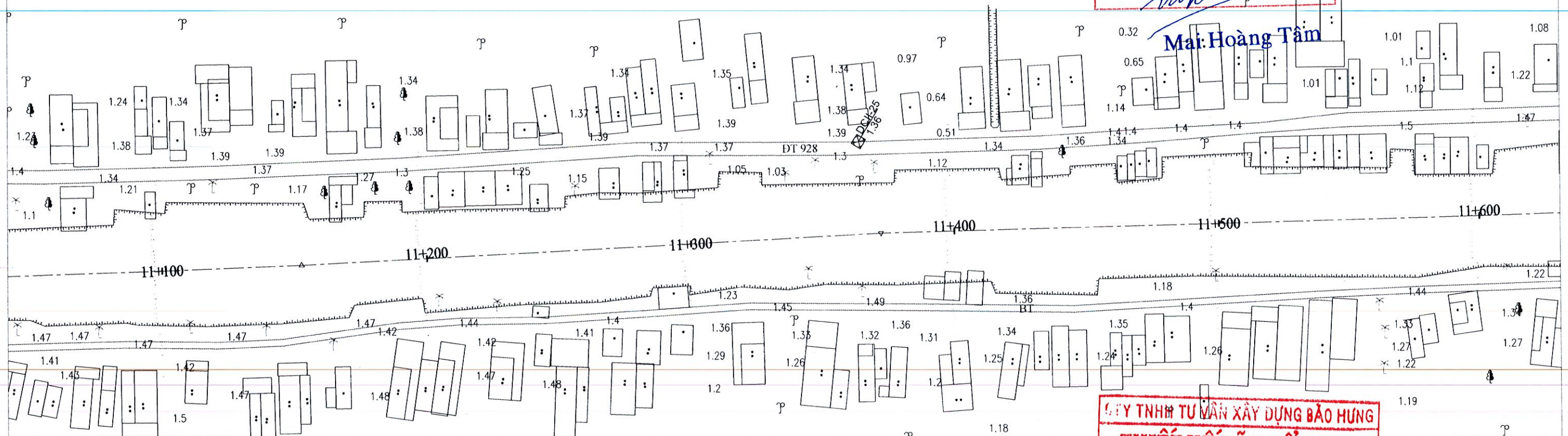
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số 1825 / SNNMT.HĐTD
 Ngày 16 tháng 03 năm 2026
 Chủ trì thẩm tra:
 Chữ ký: Võ Hoàng Trung



BÌNH ĐỒ TL: 1/2000

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THẠNH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HÙNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 388/SNNMT.HĐTĐ
ngày 16 tháng 5 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Mai Hoàng Tâm



Mai Hoàng Tâm

CHÚ GIẢI:

- | | |
|-------------------------------|------------------------------------|
| Trạm máy đợ vẽ | Mộ đất, mộ xây |
| Cao độ tự nhiên | Cột đèn, cây nước |
| Giếng hố khoan, hố khoan | Bờ đất, gò đắp cao |
| Cống dưới đường, cầu gỗ | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| Cầu sắt, cầu bê tông | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| Cầu tre, cầu treo | Cây lá kim, cây lá rộng |
| Đường dây điện hạ thế | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| Đường dây điện trung thế | Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| Đường dây điện cao thế | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| Cáp thông tin, giếng kiểm tra | Cây cói, lao, sậy, dừa nước |
| Sân gạch, Sân Xi măng | Rừng cây bụi |
| Nhà kiên cố | Rào tạm |
| Nhà bán kiên cố | Rào B40 trụ bê tông |
| Nhà mái tole, vách tường | Rào xây |
| Nhà mái tole, vách tole | Kênh rạch, ao, mương |
| Nhà mái lá, vách lá | Cọc ranh |

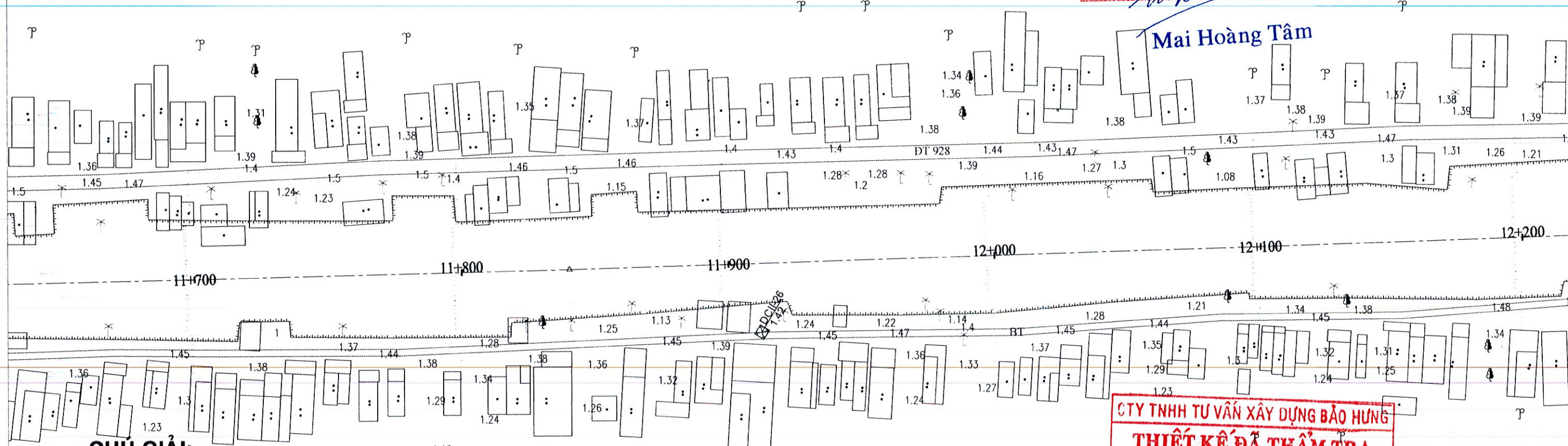
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 81/Ban.
Ngày 10 tháng 5 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: *[Signature]*
Chữ ký: *Võ Hoàng Trung*



CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HÙNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 82/SNNMT.HĐTĐ
 ngày 16 tháng 3 năm 2026
 Người thẩm định ký tên: *[Signature]*



CHÚ GIẢI:

- | | | | |
|--|-------------------------------|--|------------------------------------|
| | Trạm máy đo vẽ | | Mộ đất, mộ xây |
| | Cao độ tự nhiên | | Cột đèn, cây nước |
| | Giếng hồ khoan, hố khoan | | Bờ đất, gò đắp cao |
| | Cống dưới đường, cầu gỗ | | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| | Cầu sắt, cầu bê tông | | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| | Cầu tre, cầu treo | | Cây lá kim, cây lá rộng |
| | Đường dây điện hạ thế | | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| | Đường dây điện trung thế | | Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| | Đường dây điện cao thế | | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| | Cáp thông tin, giếng kiểm tra | | Cây cói, lao, sậy, dừa nước |
| | Sân gạch, Sân Xi măng | | Rừng cây bụi |
| | Nhà kiên cố | | Rào tằm |
| | Nhà bán kiên cố | | Rào B40 trụ bê tông |
| | Nhà mái tole, vách tường | | Rào xây |
| | Nhà mái tole, vách tole | | Kênh rạch, ao, mương |
| | Nhà mái lá, vách lá | | Cọc ranh |

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số 81/Đ.T.M.
 Ngày 10 tháng 3 năm 2026
 Chủ trì thẩm tra: *[Signature]*
 Chữ ký: *[Signature]*
 Võ Hoàng Trung



CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THẠNH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HÙNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
 THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số: 2828 /SNNMT.HĐTD
 ngày 16 tháng 3 năm 2026
 Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 21 / h.m.
 Ngày 10 tháng 3 năm 2026
 Chủ trì thẩm tra:
 Chữ ký:

Võ Hoàng Trung



điểm gờ +1.38m gờ
 trên mốc sứ

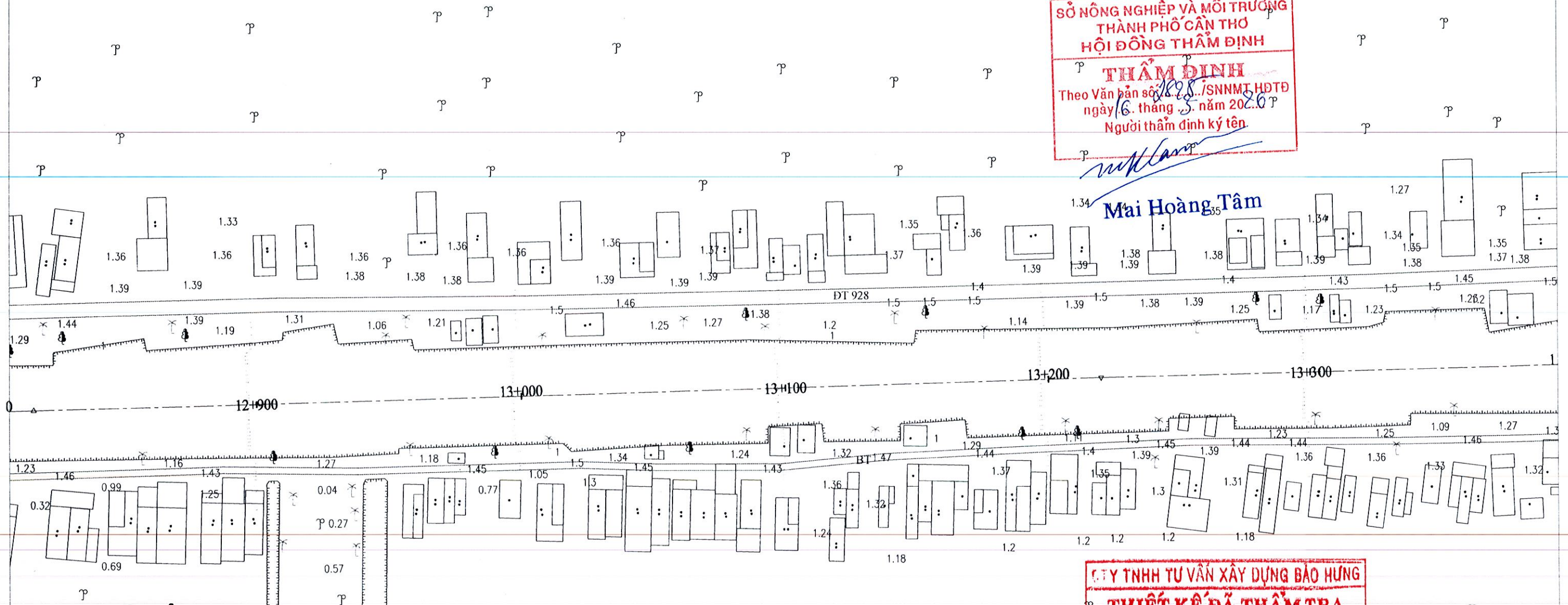


CHÚ GIẢI:

- | | | | |
|--------|-------------------------------|---|------------------------------------|
| + | Trạm máy đo vẽ | ⊕ | Mộ đất, mộ xây |
| +1.153 | Cao độ tự nhiên | ⌢ | Cột đèn, cây nước |
| ⊗ | Giếng hồ khoan, hố khoan | ⌢ | Bờ đất, gò đắp cao |
| ⌢ | Cống dưới đường, cầu gỗ | ⌢ | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| ⌢ | Cầu sắt, cầu bê tông | ⌢ | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| ⌢ | Cầu tre, cầu treo | ⌢ | Cây lá kim, cây lá rộng |
| ⌢ | Đường dây điện hạ thế | ⌢ | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| ⌢ | Đường dây điện trung thế | ⌢ | Sen, súng, ấu, bèo, tre nửa |
| ⌢ | Đường dây điện cao thế | ⌢ | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| ⌢ | Cáp thông tin, giếng kiểm tra | ⌢ | Cây cối, lao, sậy, dừa nước |
| ⌢ | Sân gạch, Sân Xi măng | ⌢ | Rừng cây bụi |
| ⌢ | Nhà kiên cố | ⌢ | Rào tạm |
| ⌢ | Nhà bán kiên cố | ⌢ | Rào B40 trụ bê tông |
| ⌢ | Nhà mái tole, vách tường | ⌢ | Rào xây |
| ⌢ | Nhà mái tole, vách tole | ⌢ | Kênh rạch, ao, mương |
| ⌢ | Nhà mái lá, vách lá | ⌢ | Cọc ranh |

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HƯNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 1898/SNNMT-HĐĐT
 ngày 16 tháng 5 năm 2026
 Người thẩm định ký tên: *Mai Hoàng Tâm*



CHÚ GIẢI:

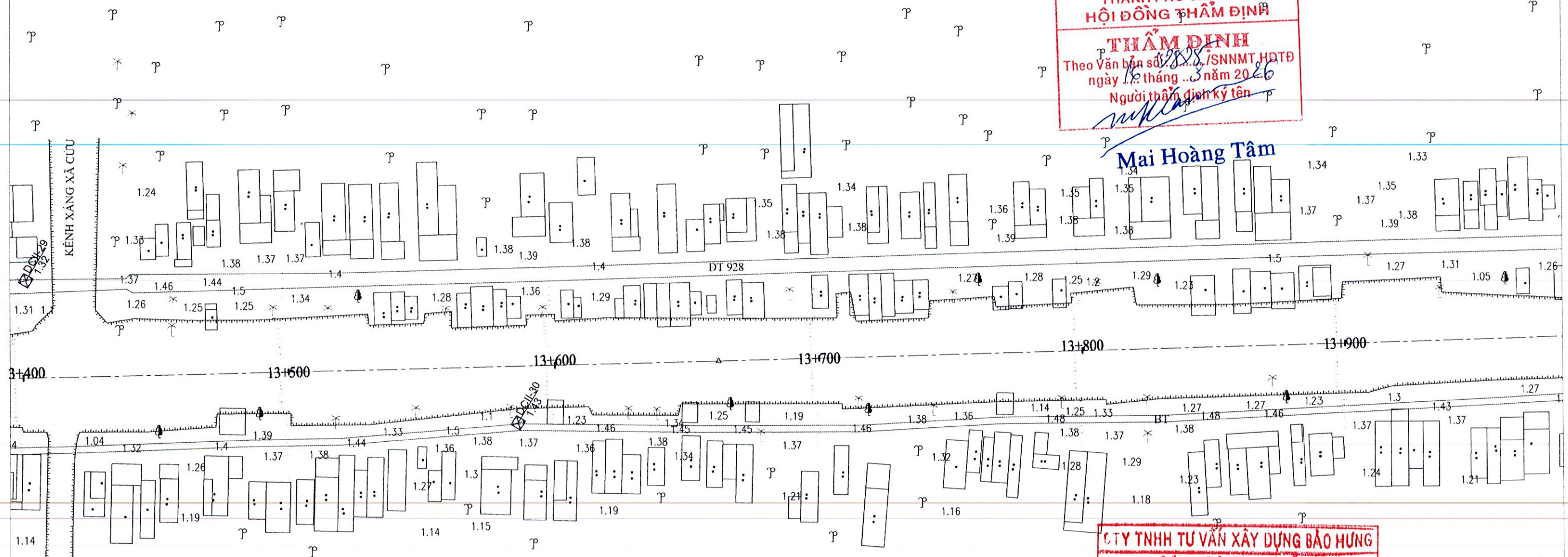
- | | | | |
|----------|-------------------------------|---|------------------------------------|
| ⊕ +1.153 | Trạm máy đo vẽ | ⊕ | Mộ đất, mộ xây |
| ⊗ | Cao độ tự nhiên | ⊕ | Cột đèn, cây nước |
| ⊗ | Giếng hố khoan, hố khoan | ⊕ | Bờ đất, gò đắp cao |
| ⊕ | Cống dưới đường, cầu gỗ | ⊕ | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| ⊕ | Cầu sắt, cầu bê tông | ⊕ | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| ⊕ | Cầu tre, cầu treo | ⊕ | Cây lá kim, cây lá rộng |
| ⊕ | Đường dây điện hạ thế | ⊕ | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| ⊕ | Đường dây điện trung thế | ⊕ | Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| ⊕ | Đường dây điện cao thế | ⊕ | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| ⊕ | Cáp thông tin, giếng kiểm tra | ⊕ | Cây cối, lao, sậy, dừa nước |
| ⊕ | Sân gạch, Sân Xi măng | ⊕ | Rừng cây bụi |
| ⊕ | Nhà kiên cố | ⊕ | Rào tạm |
| ⊕ | Nhà bán kiên cố | ⊕ | Rào B40 trụ bê tông |
| ⊕ | Nhà mái tole, vách tường | ⊕ | Rào xây |
| ⊕ | Nhà mái tole, vách tole | ⊕ | Kênh rạch, ao, mương |
| ⊕ | Nhà mái lá, vách lá | ⊕ | Cọc ranh |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số 81/BCV
 Ngày 10 tháng 5 năm 2026
 Chủ trì thẩm tra: *Đàm*
 Chữ ký: *Đàm*
Võ Hoàng Trung



CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HÙNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 1288/SNNMT-HĐTĐ
 ngày 10 tháng 5 năm 2026
 Người thẩm định ký tên: *Mai Hoàng Tâm*



Mai Hoàng Tâm

CHÚ GIẢI:

- | | |
|---------------------------------|--------------------------------------|
| ✦ Trạm máy đập vể | ⊕ Mộ đất, mộ xây |
| +1.153 Cao độ tự nhiên | ⌢ Cột đèn, cây nước |
| ⊗ Giếng hố khoan, hố khoan | ⌢ Bờ đất, gò đắp cao |
| ⌢ Cổng dưới đường, cầu gỗ | ⌢ Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| ⌢ Cầu sắt, cầu bê tông | ⌢ Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| ⌢ Cầu tre, cầu treo | ⌢ Cây lá kim, cây lá rộng |
| ⌢ Đường dây điện hạ thế | ⌢ Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| ⌢ Đường dây điện trung thế | ⌢ Sen, súng, ấu, bèo, tre nứa |
| ⌢ Đường dây điện cao thế | ⌢ Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| ⌢ Cáp thông tin, giếng kiểm tra | ⌢ Cây cói, lao, sậy, dừa nước |
| ⌢ Sân gạch, Sân Xi măng | ⌢ Rừng cây bụi |
| ⌢ Nhà kiên cố | ⌢ Rào tạm |
| ⌢ Nhà bán kiên cố | ⌢ Rào B40 trụ bê tông |
| ⌢ Nhà mái tole, vách tường | ⌢ Rào xây |
| ⌢ Nhà mái tole, vách tole | ⌢ Kênh rạch, ao, mương |
| ⌢ Nhà mái lá, vách lá | ⌢ Cọc ranh |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số 81/KCM
 Ngày 10 tháng 5 năm 2026
 Chủ trì thẩm tra: *Võ Hoàng Trung*
 Chữ ký: *Võ Hoàng Trung*

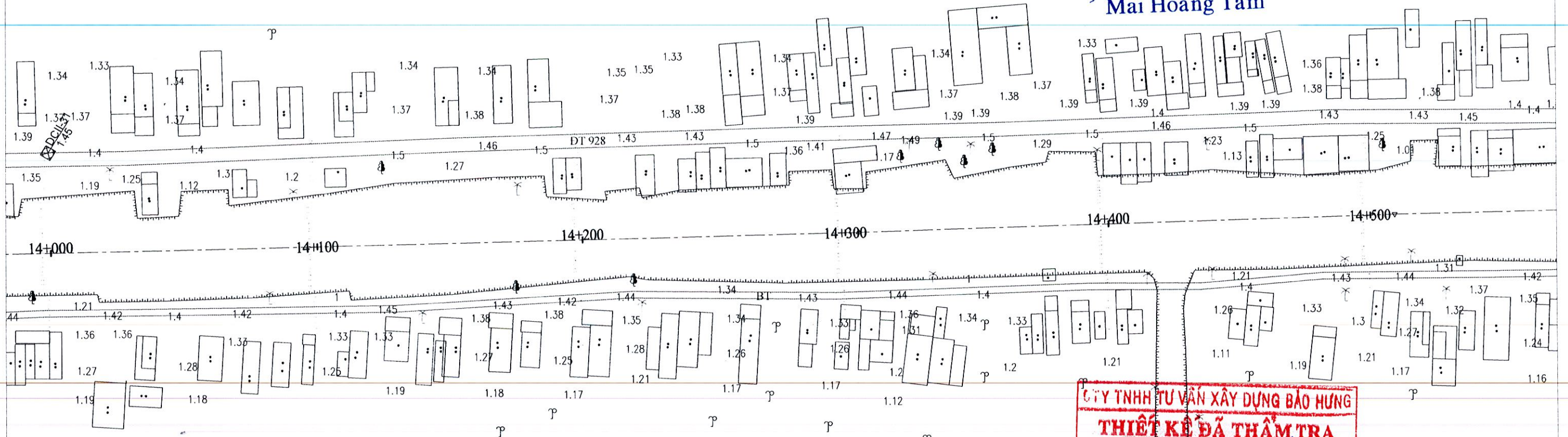


CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HÙNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 2828/SNNMT-HĐTD
 ngày 16 tháng 3 năm 2026
 Người thẩm định ký tên

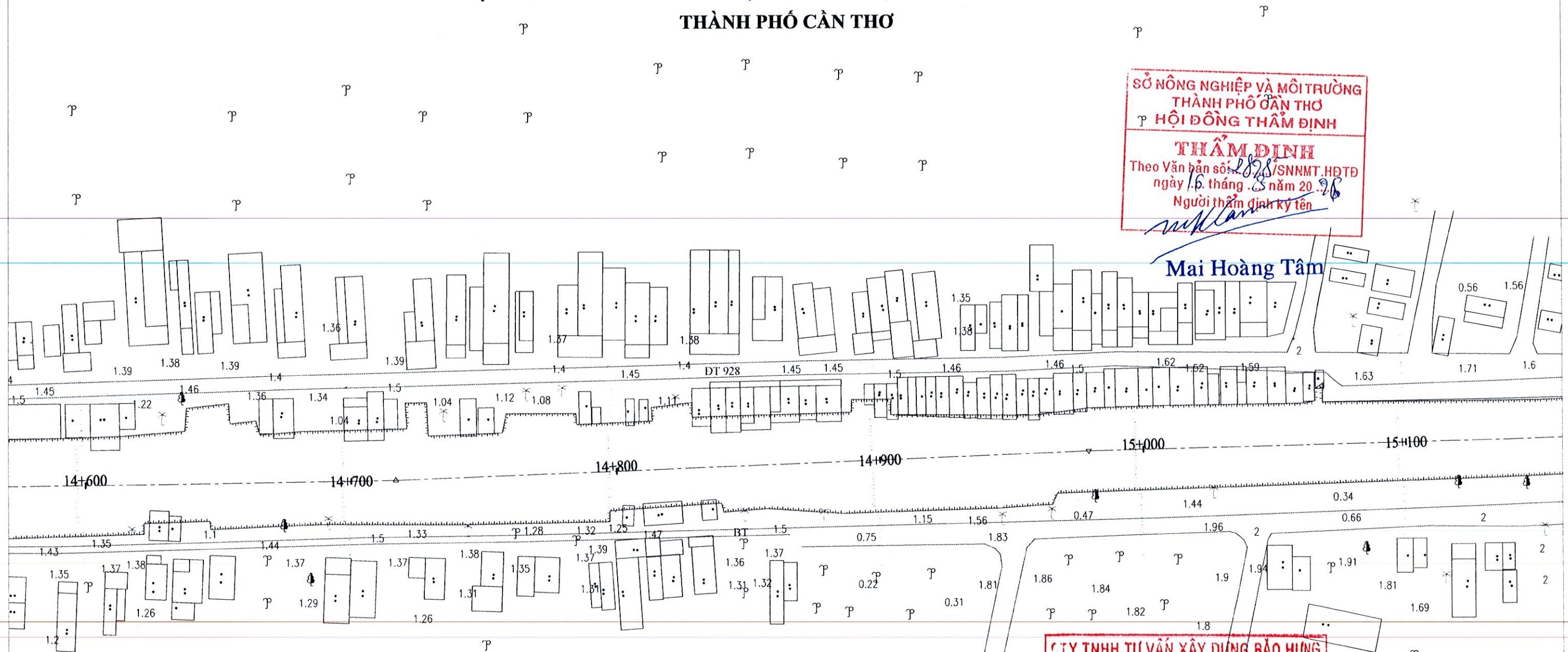
Mai Hoàng Tâm



CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HÙNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số: 2828/SNNMT.HĐĐ
 ngày 16 tháng 8 năm 2016
 Người thẩm định ký tên: *Mai Hoàng Tâm*



Mai Hoàng Tâm

CHÚ GIẢI:

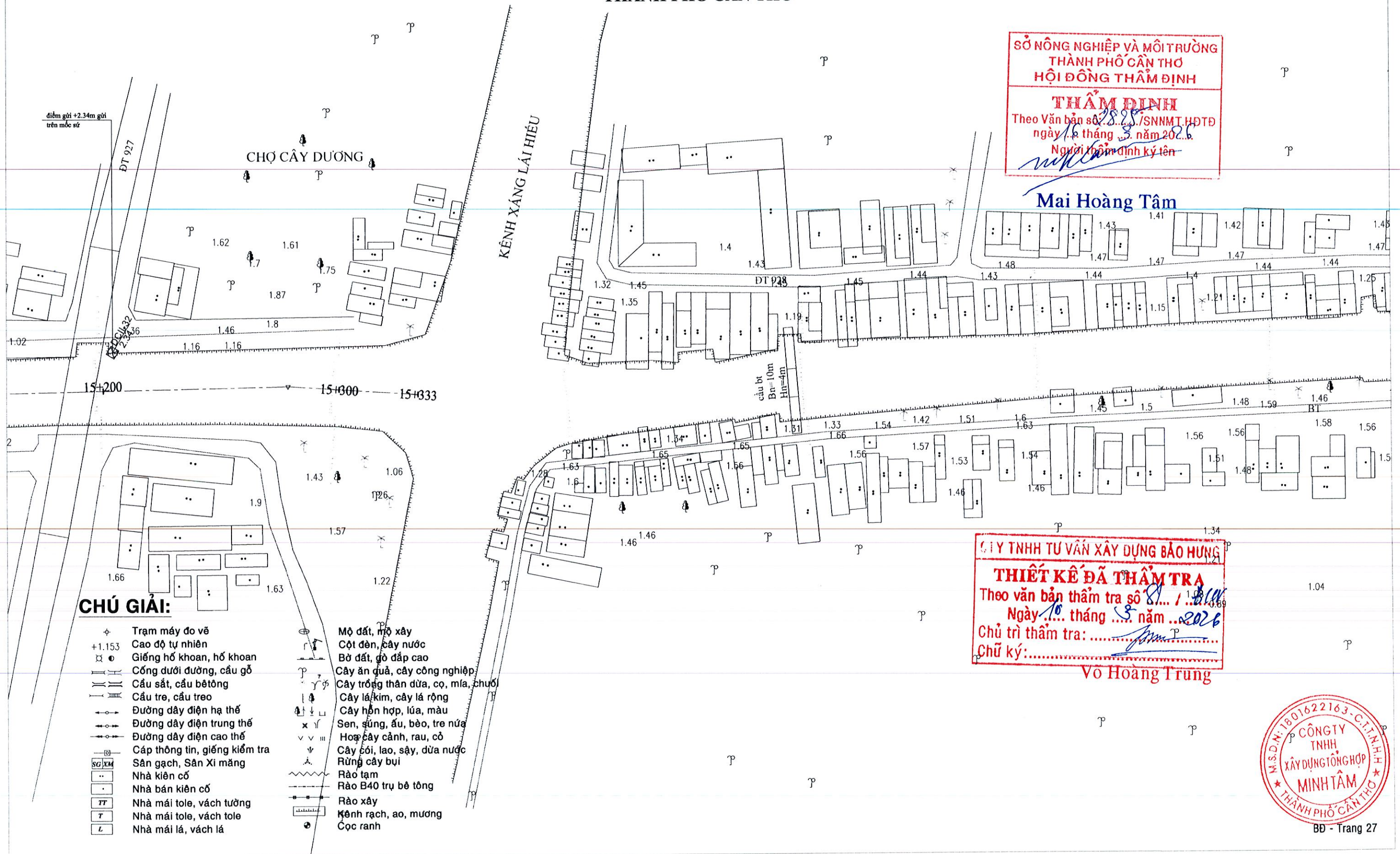
- | | | | |
|--------|-------------------------------|---|------------------------------------|
| ⊕ | Trạm máy đo vẽ | ⊕ | Mộ đất, mộ xây |
| +1.153 | Cao độ tự nhiên | ⊕ | Cột đèn, cây nước |
| ⊗ | Giếng hồ khoan, hố khoan | ⊕ | Bờ đất, gò đắp cao |
| ⊕ | Cống dưới đường, cầu gỗ | ⊕ | Cây ăn quả, cây công nghiệp |
| ⊕ | Cầu sắt, cầu bê tông | ⊕ | Cây trồng thân dừa, cọ, mía, chuối |
| ⊕ | Cầu tre, cầu treo | ⊕ | Cây lá kim, cây lá rộng |
| ⊕ | Đường dây điện hạ thế | ⊕ | Cây hỗn hợp, lúa, màu |
| ⊕ | Đường dây điện trung thế | ⊕ | Sen, súng, ấu, bèo, tre nửa |
| ⊕ | Đường dây điện cao thế | ⊕ | Hoa cây cảnh, rau, cỏ |
| ⊕ | Cáp thông tin, giếng kiểm tra | ⊕ | Cây cói, lao, sậy, dừa nước |
| SG XM | Sân gạch, Sân Xi măng | ⊕ | Rừng cây bụi |
| ⊕ | Nhà kiên cố | ⊕ | Rào tạm |
| ⊕ | Nhà bán kiên cố | ⊕ | Rào B40 trụ bê tông |
| IT | Nhà mái tole, vách tường | ⊕ | Rào xây |
| T | Nhà mái tole, vách tole | ⊕ | Kênh rạch, ao, mương |
| L | Nhà mái lá, vách lá | ⊕ | Cọc ranh |

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số: 81.../ĐTM
 Ngày 10 tháng 8 năm 2016
 Chủ trì thẩm tra: *Võ Hoàng Trung*
 Chữ ký: *Võ Hoàng Trung*



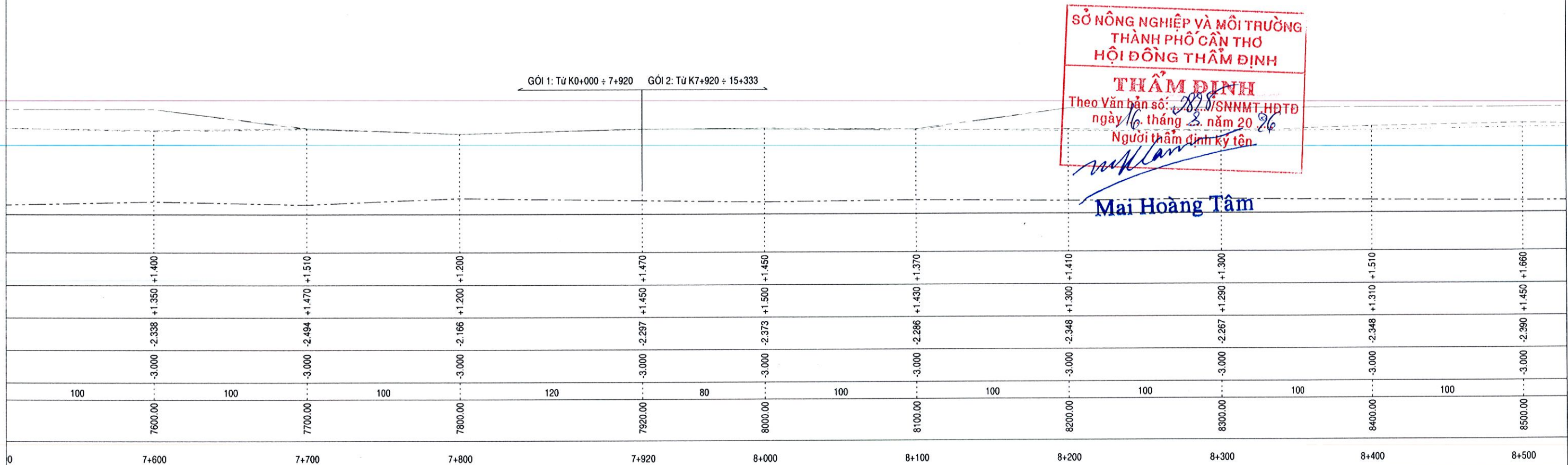
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN BÌNH - THANH HÒA - PHỤNG HIỆP - HIỆP HÙNG,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ



CẮT DỌC
(TL: Cao 1/200 ; Dọc 1/2500)

SỮA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG

GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÀI HIẾU



GHI CHÚ: ----- Đường biểu diễn bờ trái HT
----- Đường biểu diễn bờ phải HT
----- Đường biểu diễn đáy kênh HT
----- Đường biểu diễn đáy kênh TK

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số 81 / 2020

Ngày 10 tháng 3 năm 2020

Chủ trì thẩm tra: [Signature]

Chữ ký: [Signature]

Võ Hoàng Trung



**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 8285/SNNMT-HĐTĐ
ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người thẩm định ký tên

(Signature)

Theo Văn bản số 8823/SNNMT-HĐTĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 Người thẩm định ký tên Mai Hoàng Tâm									
8+600	8+700	8+800	8+900	9+000	9+100	9+200	9+300	9+400	9+500
8600.00	8700.00	8800.00	8900.00	9000.00	9100.00	9200.00	9300.00	9400.00	9500.00
100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000
-2.391	-2.390	-2.229	-2.492	-2.234	-2.424	-2.454	-2.401	-2.534	-2.236
+1.420	+1.400	+1.200	+1.300	+1.490	+1.390	+1.290	+1.400	+1.290	+1.300
+1.440	+1.300	+1.420	+1.300	+1.600	+1.390	+1.410	+1.310	+1.440	+1.450

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số / *110*.....

Ngày *10*..... tháng *3*..... năm *2026*

Chủ trì thẩm tra: *form*.....

Chữ ký: *Vũ Hoàng Trung*.....



CẮT ĐỌC
(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)
SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 3828/SNNMT.HĐTD
ngày 16 tháng 2 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

9600.00	9711.00	9800.00	9900.00	10000.00	10100.00	10200.00	10300.00	10400.00	10500.00
111	89	100	100	100	100	100	100	100	100
-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000
-2.371	-2.106	-2.363	-2.402	-2.410	-2.396	-2.376	-2.128	-2.286	-2.224
+1.230	+1.420	+1.320	+1.200	+1.200	+1.400	+1.310	+1.540	+1.500	+1.500
+1.410	+1.560	+1.350	+1.540	+1.670	+1.590	+1.520	+1.780	+1.530	+1.470
9+600	9+711	9+800	9+900	10+000	10+100	10+200	10+300	10+400	10+500

GHI CHÚ:

- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 81/BCH
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 878 /SNNMT-HĐTE
ngày 16 tháng ... năm 2026
Người thẩm định ký tên Nguyễn Văn...

10+600	10710	10+800	10+900	11+000	11+100	11+200	11+300	11+400	11+500	11+600
10600.00	10710.00	10800.00	10900.00	11000.00	11100.00	11200.00	11300.00	11400.00	11500.00	11600.00
110	90	100	100	100	100	100	100	100	100	100
-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000
-2.397	-2.199	-2.396	-2.580	-2.310	-2.491	-2.543	-2.385	-2.329	-2.429	-2.215
+1.520	+1.510	+1.590	+1.500	+1.520	+1.540	+1.510	+1.500	+1.500	+1.390	+1.630
+1.510	+1.500	+1.410	+1.300	+1.590	+1.290	+1.400	+1.420	+1.380	+1.330	+1.400

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số 11 / 2024.

Ngày 10 tháng 3 năm 2024

Chủ trì thẩm tra: [Signature]

Chữ ký: [Signature]

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 2888 /SNNMT.HĐĐTĐ
ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người thẩm định ký tên M. K. Lam

Ngày	Đã thu	Đã chi	Số dư	Ngày	Đã thu	Đã chi	Số dư
11/7/00	11700.00	-3.000	-2.345 +1.500 +1.200	11/7/00	11700.00	-3.000	-2.345 +1.500 +1.200
11/8/00	11800.00	-3.000	-2.667 +1.600 +1.460	11/8/00	11800.00	-3.000	-2.667 +1.600 +1.460
11/9/00	11900.00	-3.000	-2.682 +1.500 +1.450	11/9/00	11900.00	-3.000	-2.682 +1.500 +1.450
12/0/00	12000.00	-3.000	-2.645 +1.500 +1.270	12/0/00	12000.00	-3.000	-2.645 +1.500 +1.270
12/1/00	12100.00	-3.000	-2.559 +1.500 +1.360	12/1/00	12100.00	-3.000	-2.559 +1.500 +1.360
12/2/00	12200.00	-3.000	-2.516 +1.540 +1.230	12/2/00	12200.00	-3.000	-2.516 +1.540 +1.230
12/3/00	12300.00	-3.000	-2.579 +1.600 +1.310	12/3/00	12300.00	-3.000	-2.579 +1.600 +1.310
12/3/91	12391.00	-3.000	-2.464 +1.480 +1.350	12/3/91	12391.00	-3.000	-2.464 +1.480 +1.350
12/5/00	12500.00	-3.000	-2.561 +1.500 +1.200	12/5/00	12500.00	-3.000	-2.561 +1.500 +1.200
12/6/00	12600.00	-3.000	-2.686 +1.560 +1.230	12/6/00	12600.00	-3.000	-2.686 +1.560 +1.230

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số 91 / ĐC
 Ngày 10 tháng 3 năm 2025
 Chủ trì thẩm tra: [Signature]
 Chữ ký: [Signature]
Võ Hoàng Trung



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 1828 /SNNMT-HĐTD
ngày 16 tháng 3 năm 20 26
Người thẩm định ký tên [Signature]

Theo Văn bản số.../SNNMT.HĐ/H ngày 6... tháng ... năm 2026 Người thẩm định ký tên Mai Hoàng Tâm									
12700.00	12800.00	12900.00	13000.00	13100.00	13200.00	13300.00	13400.00	13500.00	13600.00
100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000
-2.686	-2.788	-2.623	-2.630	-2.470	-2.439	-2.570	-2.379	-2.680	-2.300
+1.440	+1.630	+1.540	+1.500	+1.510	+1.500	+1.520	+1.440	+1.450	+1.500
+1.570	+1.540	+1.430	+1.470	+1.760	+1.500	+1.600	+1.660	+1.430	+1.470

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số 81 / BCH
 Ngày 10 tháng 3 năm 2028
 Chủ trì thẩm tra: [Signature]
 Chữ ký: [Signature]
Võ Hoàng Trung



CẮT DỌC
(TL: Cao 1/200 ; Doc 1/2500)
SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÁI HIẾU

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 826/SNNMT.HĐTD
ngày 16. tháng 3 năm 2026.
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

13700.00	13800.00	13900.00	14000.00	14100.00	14200.00	14300.00	14400.00	14500.00	14600.00
-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000	-3.000
-2.460	-2.676	-2.782	-2.475	-2.590	-2.357	-2.436	-2.478	-2.465	-2.292
+1.500	+1.500	+1.540	+1.540	+1.510	+1.570	+1.680	+1.440	+1.550	+1.510
+1.530	+1.600	+1.450	+1.490	+1.670	+1.290	+1.380	+1.480	+1.510	+1.740
100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
13+700	13+800	13+900	14+000	14+100	14+200	14+300	14+400	14+500	14+600

GHI CHÚ: ----- Đường biểu diễn bờ trái HT
----- Đường biểu diễn bờ phải HT
----- Đường biểu diễn đáy kênh HT
----- Đường biểu diễn đáy kênh TK

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

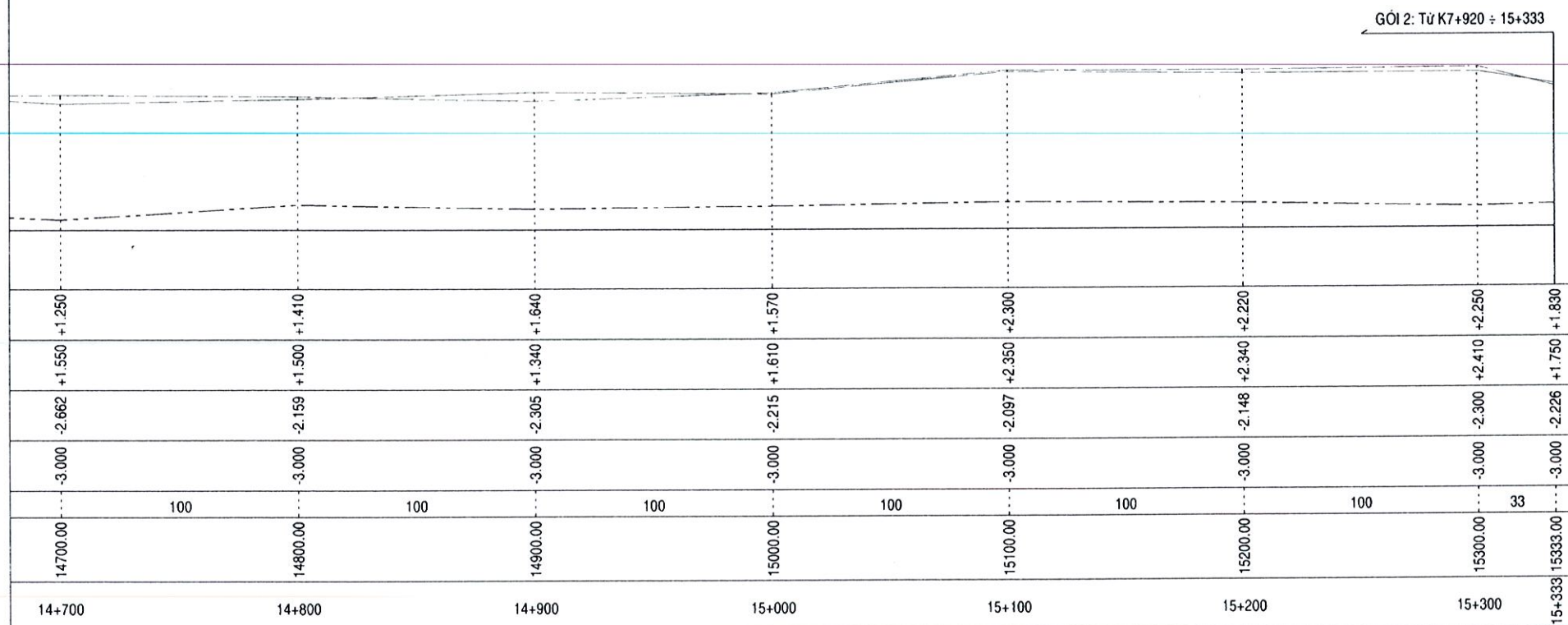
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 826 / SNNMT.HĐTD
Ngày 16. tháng 3 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung



CẮT DỌC
(TL: Cao 1/200 ; Dọc 1/2500)

SỬA CHỮA, NẠO VẾT KÊNH NGANG
GÓI 2: ĐOẠN TỪ KÊNH NÀNG MAU ĐẾN KÊNH LÀI HIẾU



GHI CHÚ:

- Đường biểu diễn bờ trái HT
- Đường biểu diễn bờ phải HT
- Đường biểu diễn đáy kênh HT
- Đường biểu diễn đáy kênh TK

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 286/SNNMT-HĐTD
ngày 12 tháng 12 năm 2016
Người thẩm định ký tên

eo Văn bản số: 2026 / SNNMT.HĐTĐ
ngày 16 tháng 5 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIỆT KẾ ĐÃ THÂM TRA

THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 81 / B. con

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Ngày 10 tháng 3 năm 2026
 Chủ trì thẩm tra: [Signature]

Chữ ký: Võ Hoàng Trung

.....Võ Hoàng Trung.....



7+920 Đào: S= 23.74m²



Mức so sánh: -5.5

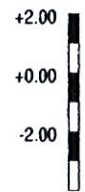
Cao độ hiện trạng [m]	+1.24	+1.24	+1.24	+1.24	+1.32	+1.47	+1.26	+1.00	+0.09	-0.19	-0.42	-0.71	-0.95	-1.21	-1.44	-1.69	-1.88	-2.06	-2.27	-2.29	-2.30	-2.31	-2.25	-2.20	-2.13	-2.00	-1.85	-1.68	-1.52	-1.32	-1.15	-1.02	-0.85	-0.65	-0.47	-0.30	-0.08	+0.15	+1.03	+1.16	+1.20	+1.31	+1.45	+1.30	+1.30	+1.30	+1.30
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	3.0	3.77	3.75	2.6	1.87	1.79	1.88	1.56	1.95	1.62	1.76	1.58	1.7	1.24	1.23	1.42	1.25	1.15	1.88	1.11	1.81	1.27	1.77	1.85	1.02	1.99	1.16	1.02	1.75	1.02	1.2	1.05	1.01	1.3	1.37	1.4	3.44	1.8	2.84	3.13	3.32	3.37	2.0	3.0	
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.00	12.77	16.52	19.12	20.99	21.78	23.66	25.22	27.17	28.79	30.55	32.13	33.83	35.07	36.30	37.72	38.97	40.12	41.00	42.11	42.92	44.19	44.96	45.81	46.83	47.82	48.98	50.00	50.75	51.77	52.97	54.02	55.03	56.33	57.70	59.10	62.54	64.34	67.18	70.31	73.63	77.00	79.00	82.00

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 222/SNNMT.HĐĐT
ngày 10 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

8+000 Đào: S= 19.40m²

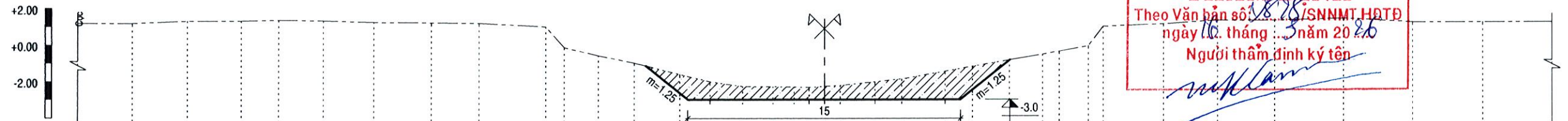


Mức so sánh: -5.5

Mức sơ san: -3.5																																												
Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.40	+1.38	+1.41	+1.43	+1.44	+1.45	+1.37	+1.29	+1.11	+1.00	-0.21	-0.22	-0.45	-0.78	-1.14	-1.48	-1.73	-1.96	-2.08	-2.20	-2.31	-2.42	-2.37	-2.34	-2.30	-2.15	-1.96	-1.78	-1.56	-1.39	-1.19	-0.74	-0.19	+0.03	+1.24	+1.24	+1.42	+1.45	+1.47	+1.50	+1.32	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.12	2.87	3.4	1.87	2.41	1.73	2.07	2.25	1.92	1.18	1.75	1.15	1.96	1.41	1.53	1.18	1.33	1.3	1.31	1.91	1.69	1.34	1.32	1.0	1.31	1.27	1.6	1.55	1.9	1.42	1.68	1.68	2.05	1.85	1.22	2.59	2.25	2.92	2.21	2.53	2.33	3.64	3.64	
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.12	5.99	9.39	11.26	13.67	15.40	17.47	19.72	21.64	22.82	23.57	24.72	25.68	27.09	28.62	29.80	31.13	32.43	33.74	35.65	37.34	38.68	40.00	41.00	42.31	43.58	45.18	46.73	48.63	50.05	51.73	53.41	55.46	57.31	58.53	61.12	63.37	66.29	68.50	71.03	73.36	77.00	80.64

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 81/BCH
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký: Võ Hoàng Trung



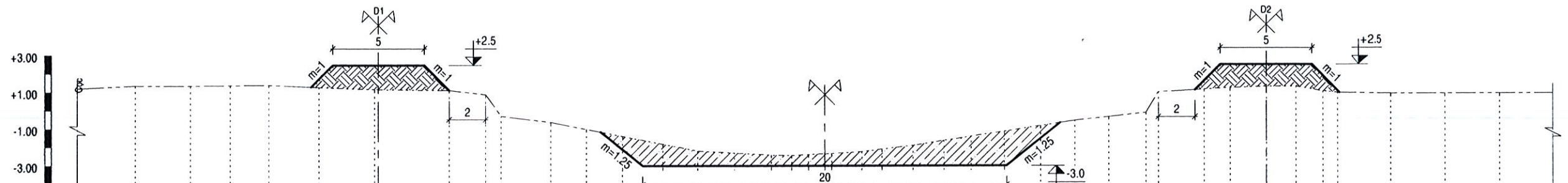


THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 1878 /SNNMT-HĐTĐ
ngày 16 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên [Signature]

Mức so sánh: -5.5

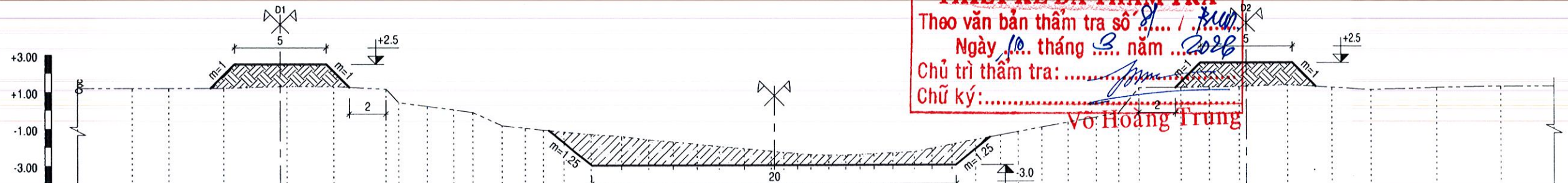
[illegible]

A vertical scale with tick marks at -3.00, -1.00, +1.00, and +3.00.



Mức so sánh: -5.5

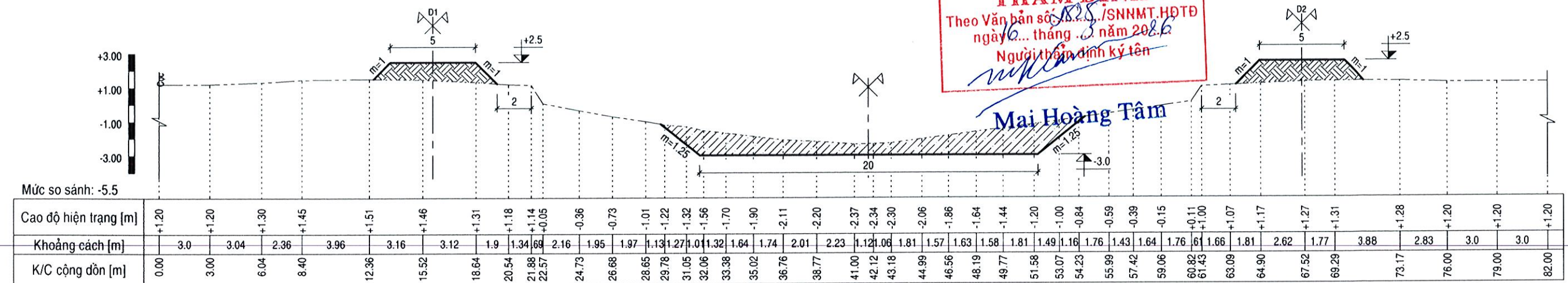
Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.36	+1.36	+1.39	+1.41	+1.29	+1.18	+1.13	+0.89	-0.28	-0.62	-1.00	-1.39	-1.82	-2.19	-2.30	-2.42	-2.44	-2.39	-2.33	-2.23	-2.10	-1.89	-1.63	-1.40	-1.13	-0.83	-0.54	-0.34	-0.12	+1.00	+1.15	+1.23	+1.29	+1.30	+1.04	+0.96	+0.90	+0.90		
Khoảng cách [m]	3.19	3.0	2.17	2.12	2.73	3.03	4.08	2.0	1.85	2.7	1.94	2.0	2.21	1.91	2.02	2.01	1.12	1.92	1.28	1.66	1.41	1.71	1.71	1.49	1.82	1.97	1.87	1.85	2.05	67	2.5	1.41	1.98	1.61	1.49	82	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.19	6.19	8.36	10.48	13.21	16.24	20.32	22.32	23.17	25.87	27.81	29.81	32.02	33.93	35.95	37.96	39.08	40.00	41.28	42.94	44.05	45.76	47.47	48.96	50.78	52.75	54.62	56.47	58.52	59.19	61.69	63.10	65.08	66.69	68.18	69.00	72.00	75.00	78.00	81.00



Vo Hoàng Trung

Mức so sánh: -5.5

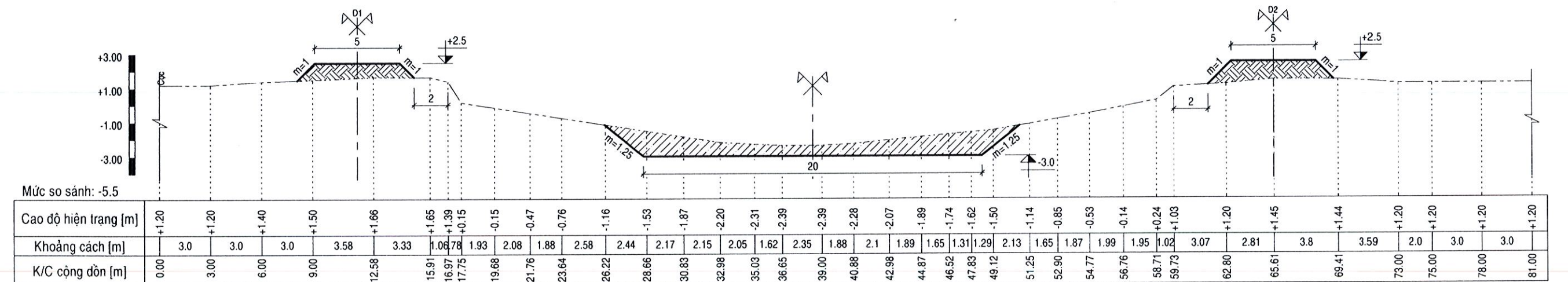
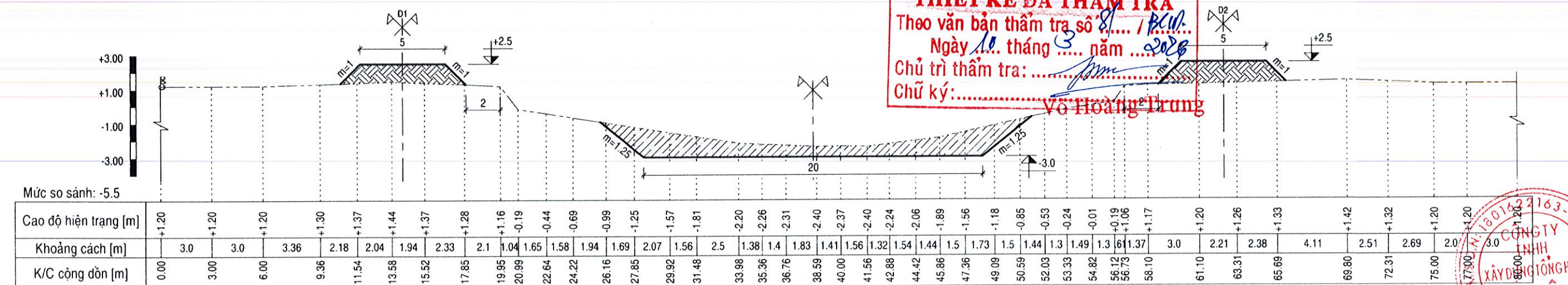
[illegible]

8+400 Đào: S= 25.83m²

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 888/SNNMT.HĐTD
ngày 16 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

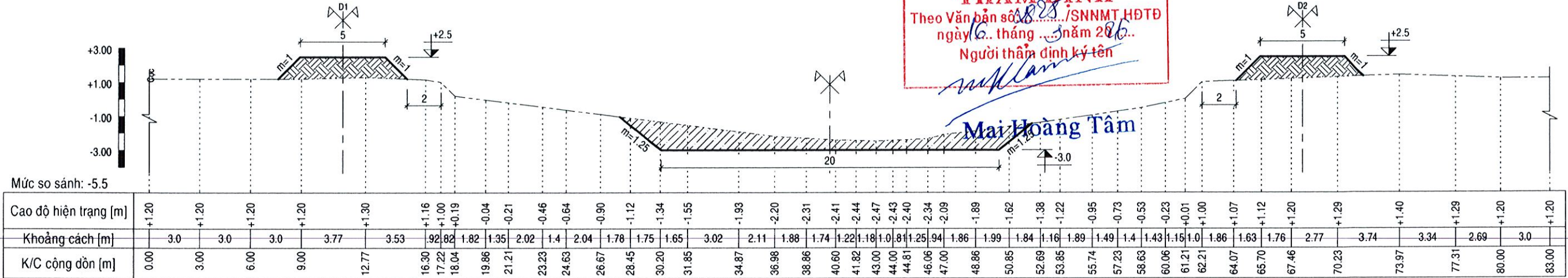
8+500 Đào: S= 21.97m²8+600 Đào: S= 23.71m²

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 81.../BCH...
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: Võ Hoàng Trung
Chữ ký: Võ Hoàng Trung

180152163-C.T. NH
CÔNG TY
THÀNH
XÂY DỰNG TỔNG HỢP
MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

8+700 Đào: S= 21.51m²

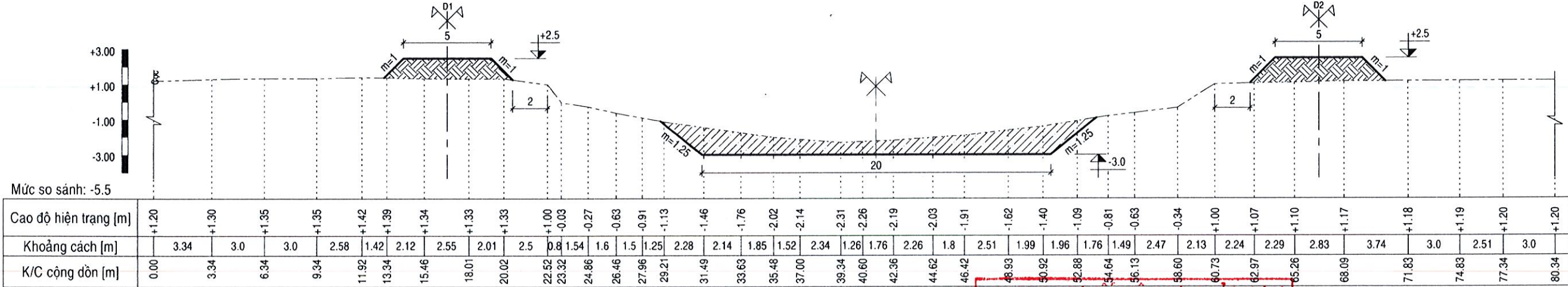


SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 1828/SNNMT-HĐĐT
ngày 16 tháng 03 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

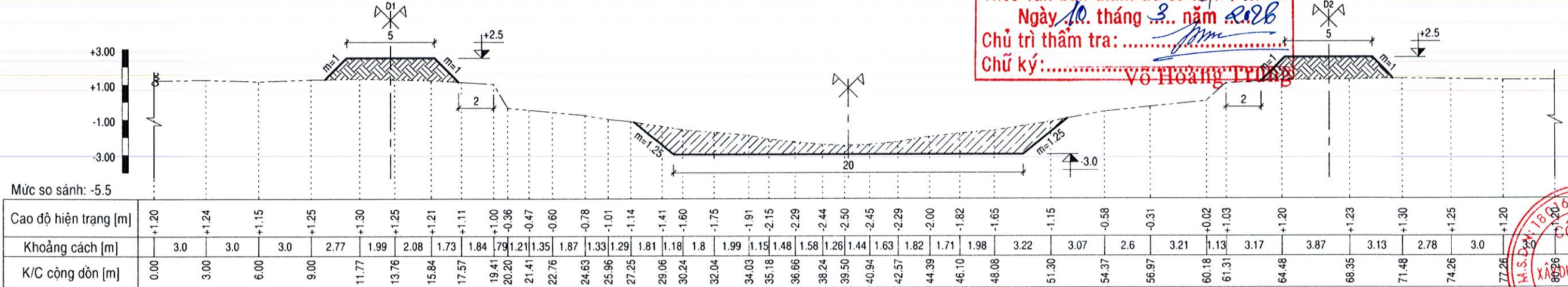
8+800 Đào: S= 25.39m²



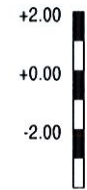
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 81/Ban
Ngày 10 tháng 03 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký: Võ Hoàng Trung

8+900 Đào: S= 23.25m²



1803022163-C.T. TNHH
CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG TỔNG HỢP
MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

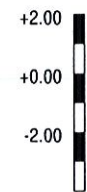
9+000 Đào: S= 27.20m²

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.30	+1.45	+1.49	+1.53	+1.56	+1.60	+1.46	+1.22	+0.11	-0.16	-0.39	-0.66	-0.90	-1.10	-1.37	-1.81	-1.94	-2.17	-2.31	-2.25	-2.17	-1.99	-1.71	-1.25	-1.05	-0.85	-0.62	-0.36	-0.05	+0.20	+1.00	+1.08	+1.20	+1.38	+1.43	+1.49	+1.30	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.0	3.38	3.73	2.96	3.08	2.22	2.7	1.08	1.87	1.81	1.58	1.36	1.24	1.52	1.39	1.76	2.06	1.03	1.23	1.68	1.68	1.81	1.82	1.64	1.98	1.25	1.29	1.45	1.62	1.98	2.08	77	1.45	1.99	2.67	2.21	2.17	3.46	3.0	2.0	3.0	81.00
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.38	10.11	13.07	16.15	18.37	21.07	22.15	24.02	24.83	26.41	27.77	29.01	30.53	31.92	33.68	35.74	36.77	38.00	39.68	41.36	43.17	44.99	46.63	48.61	49.86	51.15	52.60	54.22	56.20	58.28	59.05	60.50	62.49	65.16	67.37	69.54	73.00	76.00	78.00	81.00

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**THẨM ĐỊNH**Theo Văn bản số 1828/SNNMT.HĐTĐ
ngày 16 tháng 9 năm 2025
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

9+100 Đào: S= 24.60m²

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.20	+1.29	+1.39	+1.37	+1.26	+1.16	+0.22	+0.01	-0.19	-0.40	-0.58	-0.77	-1.03	-1.26	-1.46	-1.67	-1.92	-2.11	-2.26	-2.31	-2.38	-2.45	-2.48	-2.39	-2.20	-2.04	-1.87	-1.58	-1.25	-1.02	-0.78	-0.57	-0.32	+1.14	+1.20	+1.39	+1.39	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	3.18	2.34	2.72	1.76	2.31	1.26	1.58	1.5	1.64	1.32	1.42	1.98	1.22	1.05	1.14	1.35	1.44	1.15	1.86	1.05	1.48	1.25	1.49	1.5	1.24	1.35	1.9	2.12	1.63	1.68	2.03	2.44	1.63	2.5	4.61	3.8	3.08	3.0	3.0	80.00
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.18	11.52	14.24	16.00	18.31	19.57	21.15	22.65	24.29	25.61	27.03	29.01	30.23	31.28	32.42	33.77	35.21	36.36	37.22	38.27	39.75	41.00	42.49	43.99	45.23	46.58	48.48	50.60	52.23	53.91	55.94	58.38	60.01	62.51	67.12	70.92	74.00	77.00	80.00

9+200 Đào: S= 21.83m²

Mức so sánh: -5.5

Mức độ sai lệch: 0.5																																					
Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.20	+1.30	+1.35	+1.41	+1.30	+1.17	+0.19	-0.03	-0.27	-0.63	-1.09	-1.36	-1.65	-2.01	-2.23	-2.35	-2.48	-2.43	-2.19	-1.80	-1.64	-1.53	-1.32	-1.08	-0.79	-0.33	+1.17	+1.20	+1.29	+1.26	+1.24	+1.22	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	3.5	2.75	3.4	2.27	2.62	1.93	1.33	1.44	2.22	2.5	1.68	1.76	1.88	1.49	1.69	1.91	1.63	1.52	2.34	2.06	1.7	1.73	1.55	1.33	2.17	1.28	2.82	2.68	4.29	3.85	2.92	3.0	2.0	3.0	81.00
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.50	12.25	15.65	17.92	20.54	21.47	22.80	24.24	26.46	28.96	30.64	32.40	34.28	35.77	37.46	39.37	41.00	42.52	44.86	46.92	48.62	50.35	51.90	53.23	55.40	56.68	59.50	62.18	66.47	70.32	73.24	76.24	79.24	81.00

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số 1828/SNNMT.HĐTĐ

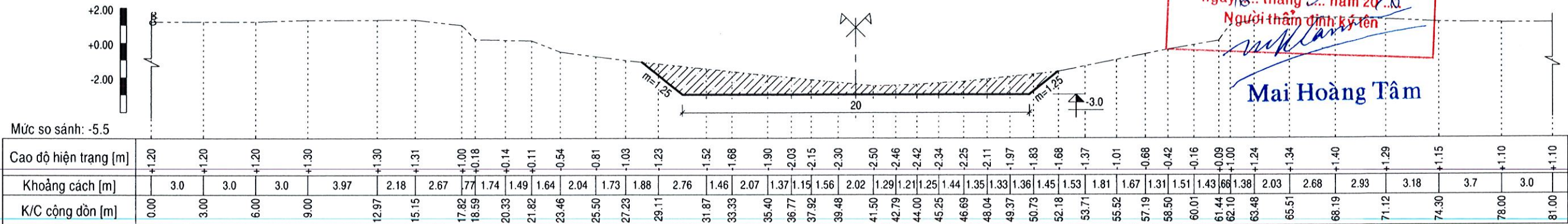
Ngày 10 tháng 9 năm 2025

Chủ trì thẩm tra: Võ Hoàng Trung

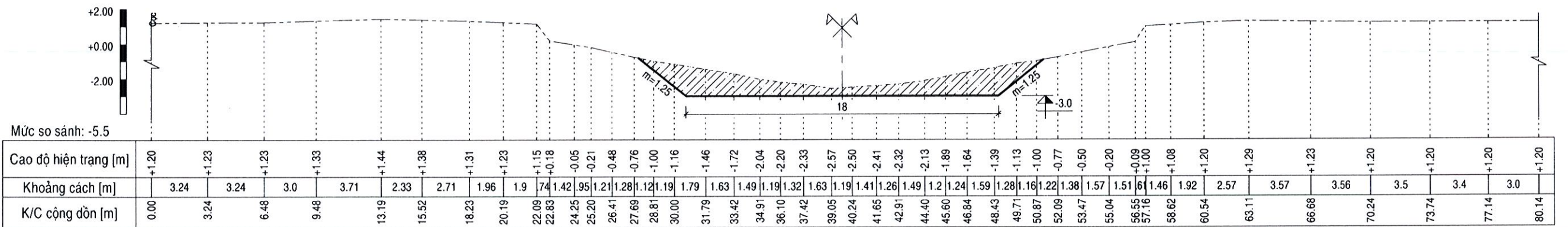
Chữ ký: Võ Hoàng Trung



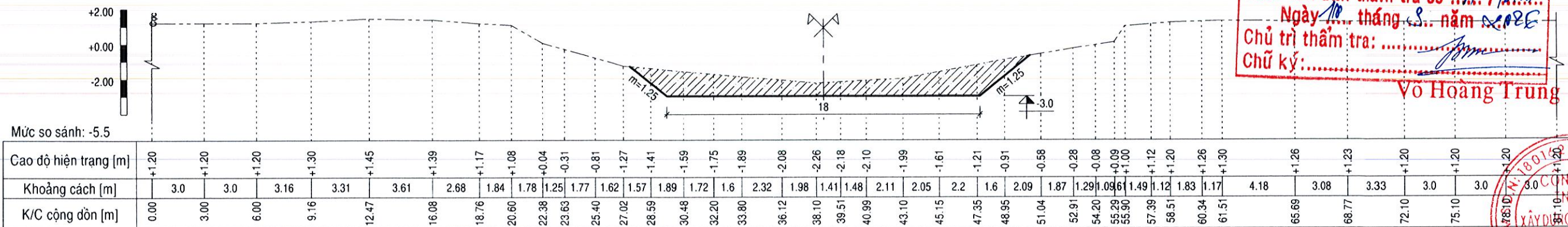
9+300 Đào: S= 21.15m²

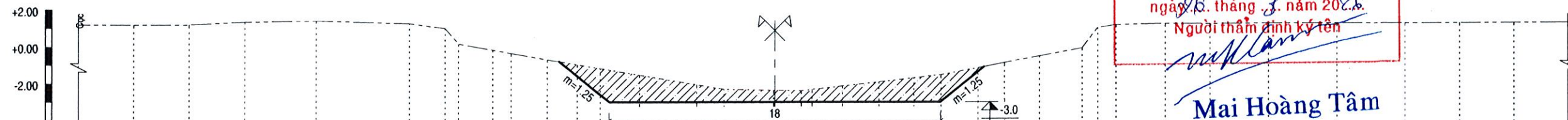
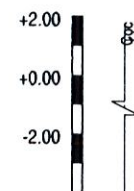


9+400 Đào: S= 21.97m²



9+500 Đào: S= 24.50m²



9+600 Đào: S= 22.13m²

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH

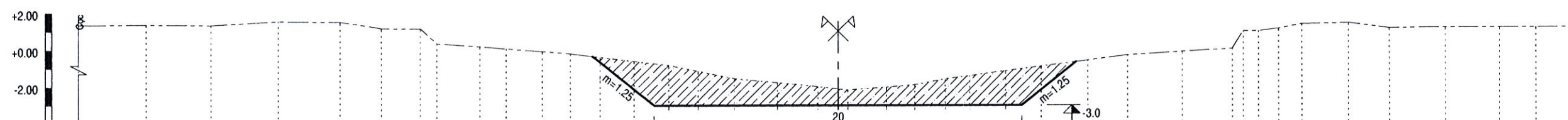
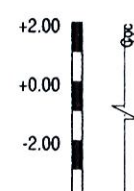
Theo Văn bản số 2825/SNNMT.HĐĐT
ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

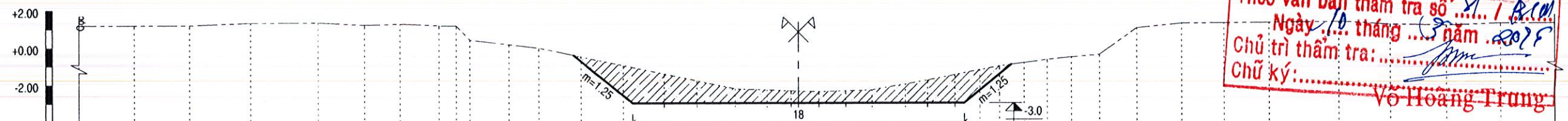
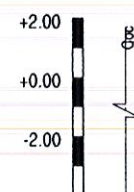
Mức so sánh: -5.5

Mức sơ san: -0.5																																							
Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.20	+1.35	+1.41		+1.26	+1.00	+0.15	-0.18	-0.36	-0.71	-0.98	-1.19	-1.55	-2.07	-2.32	-2.37	-2.40	-2.33	-2.14	-1.92	-1.70	-1.53	-1.16	-0.88	-0.53	-0.10	+1.00	+1.16	+1.22	+1.21	+1.23		+1.23	+1.20			
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	3.02	3.83		5.02	1.92	7.4	1.83	1.0	1.94	1.62	1.27	2.15	3.08	1.49	2.68	1.52	5.9	1.66	1.96	1.89	1.49	2.01	1.46	1.92	2.3	8.3	1.0	2.67	2.45	3.16	3.71	3.79	3.0	3.0	3.0		
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.02	12.85		17.87	19.79	20.53	22.36	23.36	25.30	26.92	28.19	30.34	33.42	34.91	37.59	39.11	39.70	41.36	43.32	45.21	46.70	48.71	50.17	52.09	54.39	55.22	56.22	58.89	61.34	64.50	68.21	72.00	75.00	78.00	81.00	

9+711 Đào: S= 34.74m²

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.35	+1.38	+1.35	+1.56	+1.53	+1.19	+1.17	+0.35	+0.20	+0.08	-0.07	-0.19	-0.39	-0.61	-0.83	-1.15	-1.55	-1.77	-1.99	-2.16	-2.02	-1.89	-1.57	-1.40	-1.14	-0.89	-0.57	-0.29	-0.11	+0.05	+1.00	+1.00	+1.14	+1.37	+1.42	+1.14	+1.17	+1.17	+1.17	+1.17
Khoảng cách [m]	0.00	3.67	3.52	3.63	3.32	2.22	2.09	0.9	2.31	1.43	1.93	1.51	1.64	1.85	1.87	1.59	1.96	2.34	2.22	1.6	2.09	1.53	1.67	1.33	1.98	1.94	2.52	2.16	2.97	2.72	6.83	1.09	1.26	2.52	2.37	3.0	3.0	2.0	3.0	82.18
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.67	7.19	10.82	14.14	16.36	18.45	19.35	21.66	23.09	25.02	26.53	28.17	30.02	31.89	33.48	35.44	37.78	40.00	41.60	43.69	45.22	46.89	48.22	50.20	52.14	54.66	56.82	59.79	62.51	63.51	63.94	65.03	66.29	68.81	71.18	74.18	77.18	79.18	82.18

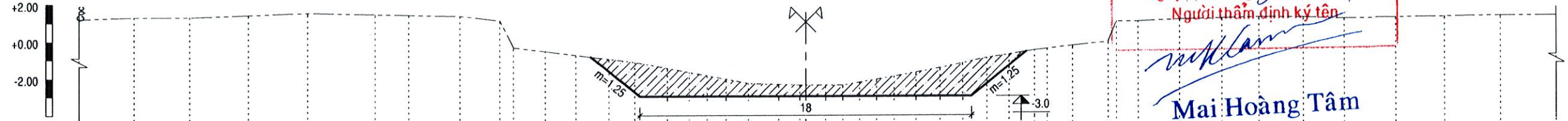
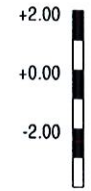
9+800 Đào: S= 23.32m²

Mức so sánh: -5.5

Mức sơ san: -0.5																																									
Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.20	+1.33	+1.35	+1.21	+1.27	+1.18	+1.16	+0.40	+0.15	-0.03	-0.51	-0.98	-1.44	-1.81	-2.24	-2.30	-2.35	-2.40	-2.35	-2.30	-1.99	-1.78	-1.49	-1.23	-1.03	-0.85	-0.69	-0.56	-0.42	+1.00	+1.25	+1.27	+1.28	+1.32	+1.17	+1.10	+1.20	+1.20	
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	3.3	3.63	2.48	1.91	2.1	9.4	7.3	2.1	1.61	2.28	2.3	2.21	1.77	2.08	1.72	1.32	1.52	1.44	1.41	1.8	1.21	1.5	1.37	1.07	1.35	1.26	1.31	1.51	2.04	2.43	2.3	2.45	3.77	2.95	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.30	12.93	15.41	17.32	19.42	20.36	21.09	23.19	24.80	27.08	29.38	31.59	33.36	35.44	37.16	38.48	40.00	41.44	42.85	44.65	45.86	47.36	48.73	49.80	51.15	52.41	53.72	55.23	57.27	59.70	62.00	64.45	68.22	71.17	74.17	77.17	80.17	83.00

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 91/B.CM.
Ngày 10 tháng 3 năm 2025
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:
Võ Hoàng Trung



9+900 Đào: S= 24.19m²SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH

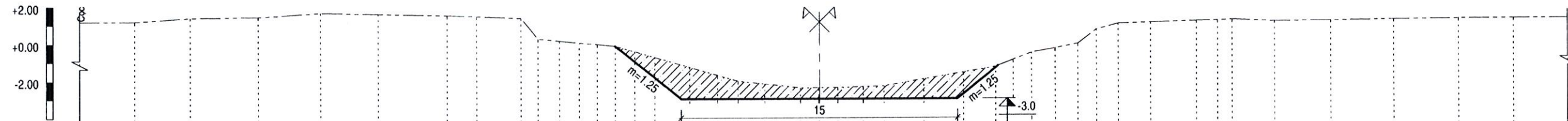
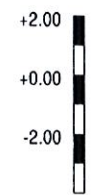
Theo Văn bản số 2828/SNNMT.HĐTP
ngày 16 tháng 5 năm 2016

Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

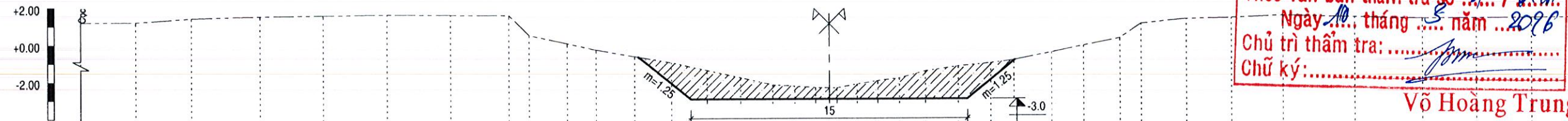
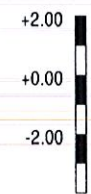
Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.30	+1.30	+1.42	+1.54	+1.46	+1.42	+1.36	+1.11	+0.35	-0.56	-0.77	-0.99	-1.16	-1.48	-1.71	-1.89	-2.08	-2.31	-2.36	-2.40	-2.41	-2.41	-2.25	-2.10	-1.93	-1.72	-1.48	-1.22	-0.94	-0.76	-0.54	-0.46	-0.30	-0.11	+0.00	+1.00	+1.09	+1.14	+1.20	+1.18	+1.10	+1.13	+1.16	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	0.00	3.00	3.00	3.16	3.2	3.64	1.81	2.76	2.15	7.4	1.71	1.67	1.81	1.41	1.75	1.2	9.6	1.04	1.2	1.65	1.14	1.4	9.4	9.2	9.3	9.6	1.18	1.29	1.23	1.31	1.22	1.38	7	1.39	1.93	4.1	1.17	2.23	2.3	2.0	2.4	2.25	2.83	2.69	3.08	3.08
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.16	12.36	16.00	17.81	20.57	22.72	23.46	25.17	26.84	28.65	30.06	31.81	33.01	33.97	35.01	36.21	37.86	39.00	40.40	41.34	42.26	43.19	44.15	45.33	46.62	47.85	49.16	50.38	51.76	52.46	53.85	55.78	56.24	57.41	59.64	61.94	63.94	66.34	68.59	71.42	74.11	77.19	80.27

10+000 Đào: S= 18.53m²

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]		+1.20		+1.20		+1.40		+1.45		+1.67		+1.61		+1.53		+1.47		+1.37		+0.25		+0.14		+0.04		-0.05		-0.15		-0.44		-0.75		-1.29		-1.73		-2.05		-2.20		-2.42		-2.41		-2.40		-2.36		-2.32		-1.95		-1.59		-1.29		-0.92		-0.54		-0.30		-0.07		+0.69		+1.00		+1.06		+1.14		+1.17		+1.20		+1.10		+1.13		+1.17		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20		+1.20
-----------------------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------	--	-------

10+100 Đào: S= 21.24m²

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.40	+1.50	+1.54	+1.59	+1.56	+1.53	+0.45	+0.01	-0.34	-0.70	-1.03	-1.46	-1.85	-2.24	-2.31	-2.39	-2.40	-2.21	-2.02	-1.89	-1.51	-1.25	-1.09	-0.93	-0.52	-0.17	+0.23	+1.00	+1.24	+1.29	+1.40	+1.29	+1.20	+1.20	+1.20	+1.20	+1.20	+1.20	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	0.00	3.00	3.00	3.69	3.4	3.44	3.42	3.14	1.1	2.05	1.59	2.07	1.99	1.95	1.8	1.74	1.2	1.12	1.16	1.11	1.12	1.17	1.4	1.79	1.75	1.29	2.05	1.74	1.99	1.14	2.43	2.45	2.8	3.9	3.71	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.69	13.09	16.53	19.95	23.09	24.19	26.24	27.83	29.90	31.89	33.84	35.64	37.38	38.58	39.70	40.86	41.97	43.09	44.26	45.66	47.45	49.20	50.49	52.54	54.28	56.27	57.41	59.84	62.29	65.09	68.99	72.70	75.70	78.70	81.70	84.70	87.70	90.70	93.70	96.70

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số 8 / B.C.M.

Ngày 10 tháng 5 năm 2016

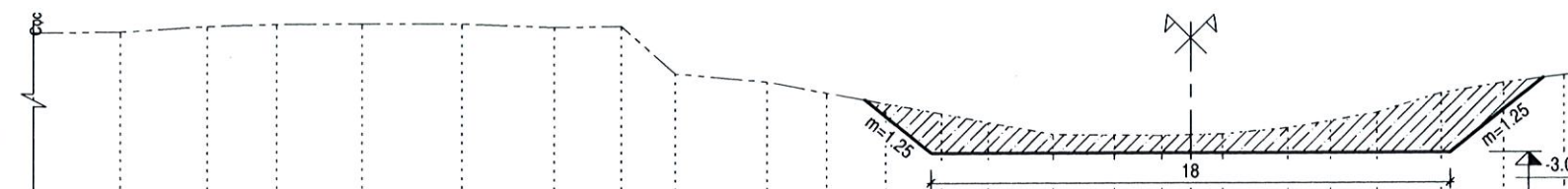
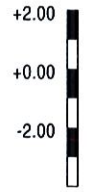
Chủ trì thẩm tra:

Chữ ký:

Võ Hoàng Trung



10+200 Đào: S= 22.70m²



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

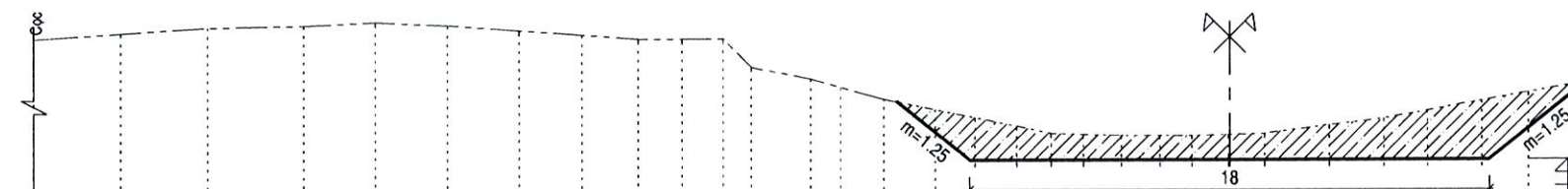
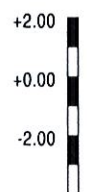
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 888/SNNMT-HĐTD
ngày 16 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.23	+1.43	+1.50	+1.52	+1.51	+1.38	+1.41	-0.24	-0.52	-0.91	-1.29	-1.64	-1.95	-2.36	-2.38	-2.40	-2.35	-2.15	-1.90	-1.62	-0.95	-0.60	-0.34	-0.13	+0.02	+1.08	+1.23	+1.31	+1.26	+1.27	+1.31	+1.22	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	2.41	2.93	3.42	3.2	2.33	1.86	3.15	2.08	2.06	1.92	1.62	2.25	2.12	1.65	2.1	2.26	1.48	1.61	2.24	2.15	2.07	2.24	2.49	94	1.29	1.89	1.5	1.66	2.18	3.43	3.47	3.0	3.0	80.00
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	8.41	11.34	14.76	17.96	20.29	22.15	25.30	27.38	29.44	31.36	32.98	35.23	37.35	39.00	41.10	43.36	44.84	46.45	48.69	50.84	52.91	55.15	57.64	58.58	59.87	61.76	63.26	64.92	67.10	70.53	74.00	77.00	80.00

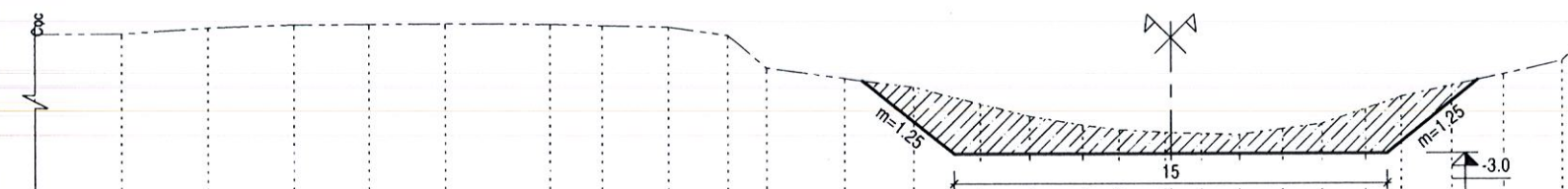
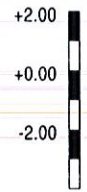
10+300 Đào: S= 26.39m²



Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.40	+1.60	+1.67	+1.78	+1.68	+1.50	+1.35	+1.21	+1.21	+1.22	+0.22	-0.18	-0.47	-0.89	-1.25	-1.54	-1.83	-2.08	-2.12	-2.16	-2.16	-2.17	-2.13	-2.09	-1.81	-1.58	-1.31	-0.97	-0.68	-0.35	+0.04	+0.32	+1.08	+1.16	+1.32	+1.50	+1.54	+1.49	+1.46	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	3.32	2.45	2.48	2.47	2.18	1.95	1.51	1.41	1.96	2.06	1.03	1.52	1.78	1.38	1.44	1.18	1.12	1.32	1.32	1.12	1.26	1.25	2.24	1.89	1.52	1.89	1.6	1.84	2.52	2.01	2.91	2.54	2.06	2.34	1.71	1.33	2.66	3.43	3.0	3.0	81.00
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.32	11.77	14.25	16.72	18.90	20.85	22.36	23.77	24.73	26.79	27.82	29.34	31.12	32.50	33.94	35.12	36.24	37.56	38.88	40.00	41.26	42.51	44.75	46.64	48.16	50.05	51.65	53.49	56.01	58.02	58.93	61.47	63.53	65.87	67.58	68.91	71.57	75.00	78.00	81.00

10+400 Đào: S= 22.03m²



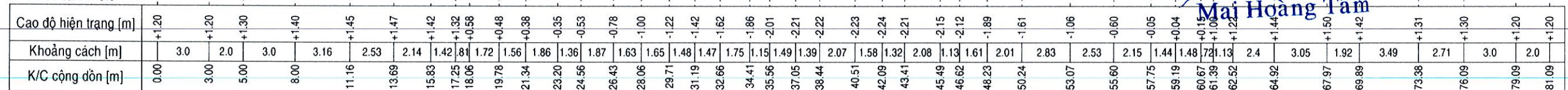
CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÁ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 8.../BCM
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: Võ Hoàng Trung
Chữ ký:

Mức so sánh: -5.5

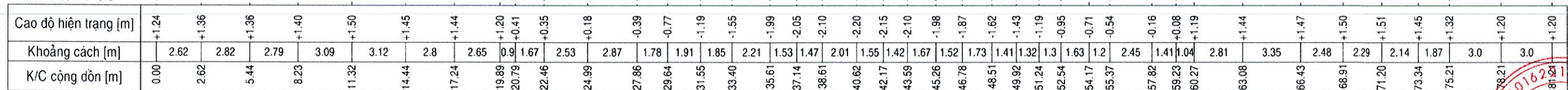
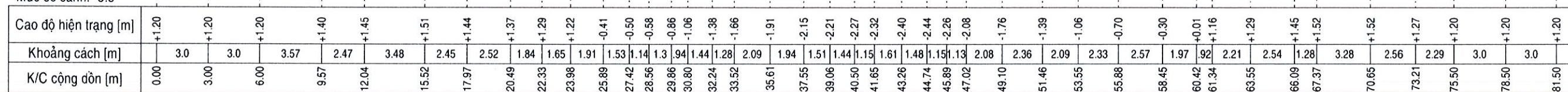
Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.40	+1.50	+1.51	+1.53	+1.50	+1.45	+1.40	+1.11	-0.02	-0.39	-0.70	-1.29	-1.72	-2.02	-2.19	-2.28	-2.32	-2.36	-2.16	-1.98	-1.48	-1.06	-0.68	-0.30	+0.16	+1.00	+1.00	+1.23	+1.25	+1.26	+1.38	+1.50	+1.47	+1.40	+1.32	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.0	2.98	2.97	2.56	2.61	3.62	1.81	2.28	2.05	1.32	2.72	2.39	2.31	1.71	1.82	1.26	1.59	1.26	1.31	1.5	1.36	1.51	1.25	1.75	1.78	2.02	2.88	1.7	2.04	2.39	1.72	1.54	1.9	2.19	2.0	2.77	2.07	3.23	3.0	80.00
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	5.98	8.95	11.51	14.12	17.74	19.55	21.83	23.88	25.20	27.92	30.31	32.62	34.33	36.15	37.41	39.00	40.26	41.57	43.07	44.43	45.94	47.19	48.94	50.72	52.74	53.62	55.32	57.36	59.75	61.47	63.01	64.91	67.10	69.10	71.87	73.94	77.17	80.17

M.S.D.N: 160162227
CÔNG TY
TNHH
XÂY DỰNG TỔNG HỢP
MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
CN: 35



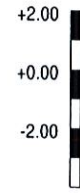
Theo Văn bản số: 288/SNNMT.HĐTĐ
ngày 16 tháng 04 năm 2018
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm



Chủ trì thẩm tra: [Signature]
 Chữ ký: [Signature]

Võ Hoàng Trung

10+800 Đào: S= 27.69m²

Mức so sánh: -5.5

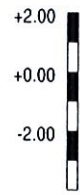
Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.24	+1.24	+1.29	+1.30	+1.32	+1.41	+1.34	+1.17	+0.11	-0.05	-0.30	-0.69	-1.04	-1.39	-1.85	-2.23	-2.32	-2.40	-2.31	-2.16	-2.04	-1.91	-1.67	-1.45	-1.23	-1.03	-0.81	-0.59	-0.30	-0.04	+1.13	+1.33	+1.50	+1.59	+1.27	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	3.0	1.73	1.52	2.22	3.57	2.18	1.05	1.93	2.49	2.12	1.89	1.88	2.5	2.06	1.67	1.45	1.69	1.71	1.38	1.45	1.5	1.48	1.39	1.3	1.14	1.13	1.49	1.36	1.41	2.92	2.48	4.34	3.62	3.21	3.0	3.0	80.26
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.00	10.73	12.25	14.47	18.04	20.22	21.27	23.20	25.69	27.81	29.70	31.58	34.08	36.14	37.81	39.26	40.95	42.66	44.04	45.49	46.99	48.47	49.86	51.16	52.30	53.43	54.92	56.28	57.69	60.61	63.09	67.43	71.05	74.26	77.26	80.26

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH

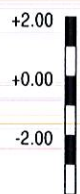
Theo Văn bản số: 228/SNNMT.HĐTD
ngày 16 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

10+900 Đào: S= 21.73m²

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.20	+1.30	+1.30	+1.30	+1.22	+1.12	-0.32	-0.46	-0.62	-0.90	-1.16	-1.41	-1.64	-1.81	-1.97	-2.14	-2.27	-2.40	-2.50	-2.59	-2.52	-2.21	-1.96	-1.59	-1.00	-0.56	-0.24	+0.10	+1.07	+1.38	+1.50	+1.41	+1.21	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	3.99	3.52	3.22	3.46	1.97	1.11	2.32	1.92	1.19	1.11	0.79	1.25	1.23	1.26	1.96	1.3	1.2	1.56	1.9	1.79	1.6	3.35	2.48	2.17	2.63	1.03	4.06	1.57	2.25	2.88	3.73	3.73	3.73	80.46		
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.99	13.51	16.73	20.19	22.16	23.27	25.59	27.51	28.70	29.81	30.88	31.84	33.09	34.32	35.58	36.54	37.50	38.80	40.00	41.56	43.46	45.25	46.85	50.20	52.68	54.85	57.48	58.51	62.57	64.14	66.39	69.27	73.00	76.73	80.46

11+000 Đào: S= 22.37m²

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.20	+1.53	+1.59	+1.53	+1.35	+1.18	+1.00	-0.26	-0.70	-1.01	-1.23	-1.63	-2.09	-2.17	-2.31	-2.31	-2.28	-1.82	-1.39	-1.02	-0.59	-0.26	+0.05	+1.00	+1.31	+1.40	+1.45	+1.51	+1.52	+1.44	+1.30	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	3.14	2.57	4.46	2.23	2.11	1.03	0.92	2.43	1.7	1.21	2.45	2.89	1.45	2.38	2.03	2.35	2.65	2.51	2.08	2.31	1.8	1.61	1.64	2.67	2.77	2.59	2.28	2.12	2.97	3.65	3.0	3.0	
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.14	11.71	16.17	18.40	20.51	21.54	22.46	24.89	26.59	27.80	30.25	33.14	34.59	36.97	39.00	41.35	44.00	46.51	48.59	50.90	52.70	54.31	54.95	57.62	60.39	62.98	65.26	67.38	70.35	74.00	77.00	80.00

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 81/ B.V.M...

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

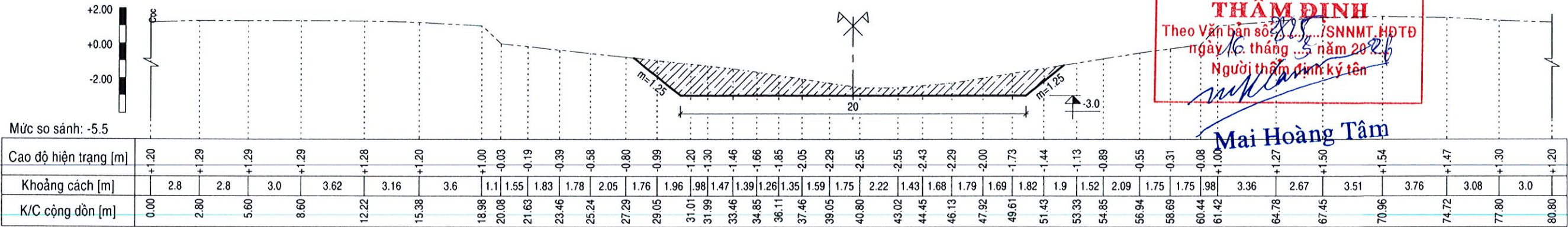
Chủ trì thẩm tra: [Signature]

Chữ ký: [Signature]

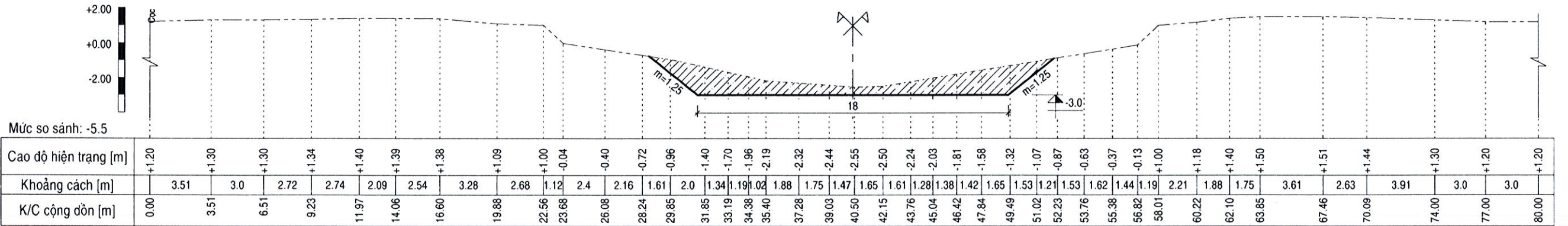
Võ Hoàng Trung



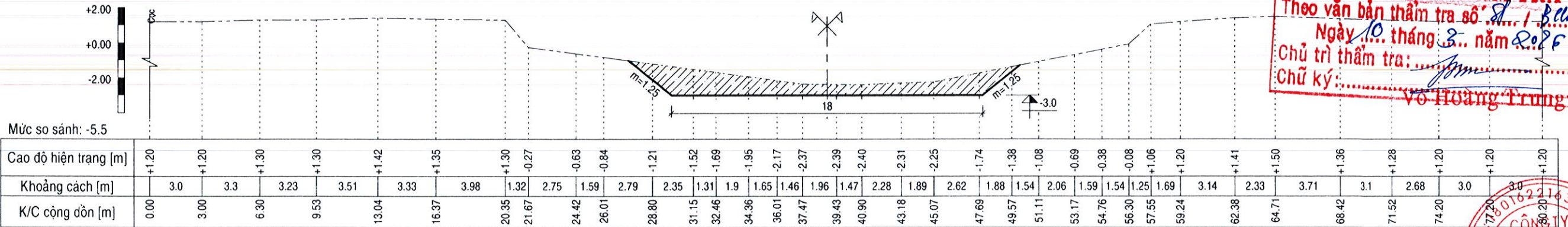
11+100 Đào: S= 23.88m²



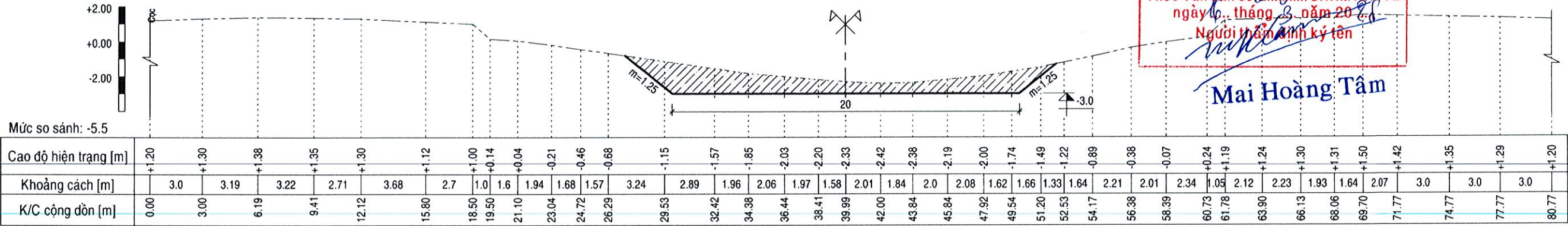
11+200 Đào: S= 21.51m²



11+300 Đào: S= 19.89m²



11+400 Đào: S= 23.42m²

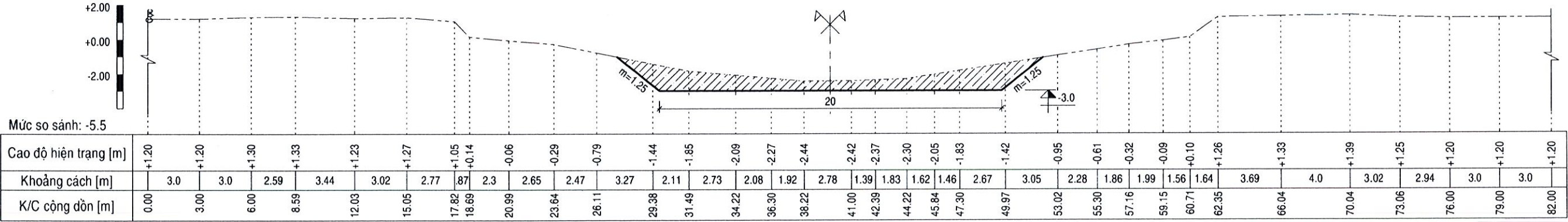


SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 888/SNNMT-HĐTĐ
ngày 10 tháng 5 năm 2028
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

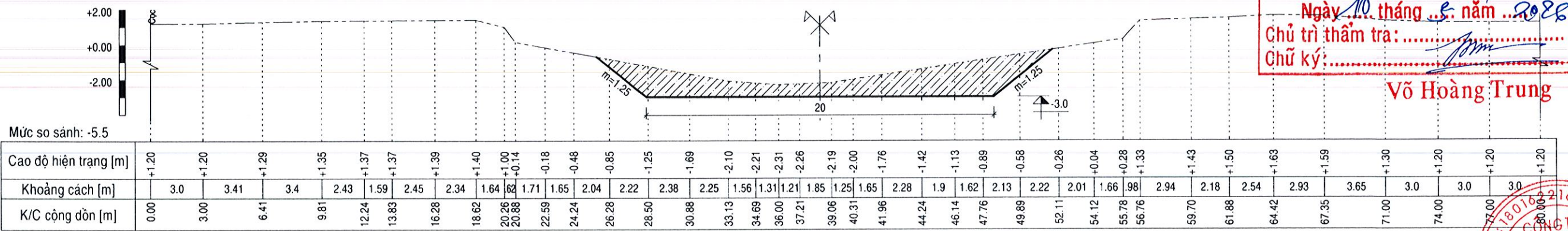
11+500 Đào: S= 21.59m²



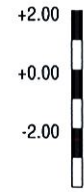
CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 8/B.T.V.
Ngày 10 tháng 5 năm 2028
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung

11+600 Đào: S= 31.19m²



MS.DN: 1801662163-C.T.V.N.H
CÔNG TY
THANH
XÂY DỰNG TỔNG HỢP
MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

11+700 Đào: S= 23.71m²

Mức so sánh: -5.5

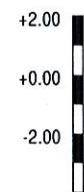
Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.20	+1.15	+1.09	+1.04	+1.00	+0.05	-0.12	-0.25	-0.39	-0.53	-0.71	-0.93	-1.13	-1.43	-1.68	-1.90	-2.10	-2.29	-2.35	-2.33	-2.21	-2.04	-1.87	-1.70	-1.52	-1.24	-0.95	-0.41	-0.12	+0.10	+0.26	+1.00	+1.26	+1.50	+1.41	+1.32	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	3.36	3.75	2.7	2.84	1.06	1.5	1.15	1.31	1.2	1.62	1.95	1.5	2.3	1.68	1.39	2.29	1.98	1.42	1.59	2.14	2.2	1.42	1.93	2.05	2.02	2.01	2.27	1.68	1.54	1.23	1.73	1.7	1.76	2.57	2.57	3.59	3.0	3.0	3.0
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	9.36	13.11	15.81	18.65	19.71	21.21	22.36	23.67	24.87	26.49	28.44	29.94	32.24	33.92	35.31	37.60	39.58	41.00	42.59	44.73	46.93	48.35	50.28	52.33	54.35	56.36	58.63	60.31	61.85	63.08	63.81	65.51	67.27	69.84	72.41	76.00	79.00	82.00

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 828/SNNMT.HĐĐ
ngày 10 tháng 3 năm 2018
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

11+800 Đào: S= 21.75m²

Mức so sánh: -5.5

Mức số san bằng: -0.5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
Cao độ hiện trạng [m]																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		</

11+900 Đào: S= 20.16m²

Mức so sánh: -5.5

Mức sơ san: -5.5																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.20	+1.26	+1.31	+1.37	+1.45	+0.07	-0.14	-0.45	-0.70	-1.16	-1.46	-1.86	-2.46	-2.65	-2.85	-2.72	-2.60	-2.36	-2.01	-1.62	-1.34	-1.00	-0.68	-0.23	+1.06	+1.27	+1.50	+1.42	+1.39	+1.30	+1.20	+1.20	+1.20	+1.20																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	2.69	2.92	2.98	4.88	1.49	2.36	1.66	1.37	1.87	1.25	1.63	2.18	1.7	1.73	1.76	1.53	1.97	2.58	2.88	1.97	2.37	2.24	2.24	3.6	3.66	3.36	2.1	3.66	3.22	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	3

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÁ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số 81/BCV

Ngày 10 tháng 3 năm 2018

Chủ trì thẩm tra: Võ Hoàng Trung

Chữ ký: *[Signature]*

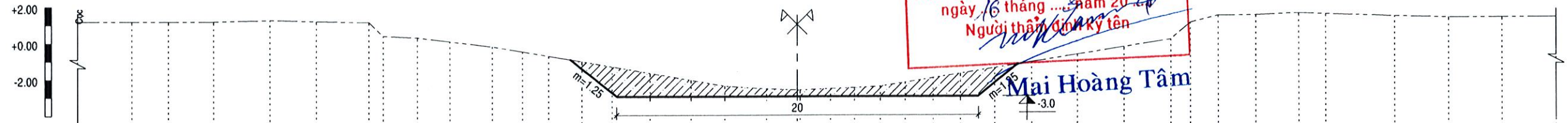
Võ Hoàng Trung



**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 2828.../SNNMT.HĐTD
ngày 16 tháng ... năm 20 26
Người thẩm định ký tên



Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.20	+1.20	+1.20	+1.27	+1.20	+1.13	+0.37	+0.28	+0.06	-0.23	-0.51	-0.76	-1.07	-1.36	-1.72	-2.11	-2.43	-2.59	-2.65	-2.58	-2.52	-2.45	-2.24	-1.99	-1.75	-1.45	-1.13	-0.73	-0.32	+0.09	+1.00	+1.39	+1.40	+1.50	+1.44	+1.28	+1.20	+1.20	+1.20	
Khoảng cách [m]	3.0	2.0	2.5	7.50	3.12	2.56	2.89	7.9	1.87	1.8	2.33	1.66	1.43	1.86	1.65	2.09	2.26	1.87	2.32	1.86	1.68	1.32	1.42	1.36	1.56	1.51	1.91	2.04	2.52	2.58	2.6	1.09	1.53	2.08	2.37	1.5	3.9	3.03	3.0	3.0	81.86	
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	5.00	12.50	15.62	18.18	21.07	28.97	30.84	32.64	34.97	36.63	38.06	39.92	41.57	43.66	45.92	48.18	50.05	51.91	53.77	55.63	57.49	59.35	61.21	63.07	64.93	66.79	68.65	70.51	72.37	74.23	76.10	77.96	79.82	81.68	83.54	85.40	87.26	89.12	90.98	92.84

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.20	+1.25	+1.27		+1.31	+1.33	+1.36	-0.09	-0.23	-0.35	-0.57	-0.77	-1.02	-1.24	-1.40	-1.51	-1.72	-2.08	-2.30	-2.42	-2.51	-2.60	-2.46	-2.21	-1.96	-1.79	-1.50	-1.29	-1.18	-0.80	-0.42	-0.08	+1.24	+1.33	+1.34	+1.50	+1.42	+1.35	+1.29	+1.20	+1.20	
Khoảng cách [m]	3.0	3.0	2.69	8.69	2.37	2.79	1.96	1.93	7.21	1.71	0.9	1.51	1.36	1.76	1.55	1.11	1.48	1.47	1.8	1.59	1.58	1.14	1.23	1.7	2.37	1.71	2.1	1.97	2.1	2.24	2.04	2.08	1.89	1.09	1.95	1.82	1.78	1.93	2.42	69.49	2.05	2.46	3.0	3.0
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.00	8.69	11.06	13.85	15.81	17.74	18.46	19.63	20.72	22.23	23.59	25.35	26.90	28.01	29.49	30.96	32.76	34.35	35.93	37.07	38.30	40.00	42.37	44.08	46.18	48.15	50.25	52.49	54.53	56.61	58.50	59.59	61.54	63.36	65.14	67.07	69.49	71.54	74.00	77.00	80.00	

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA

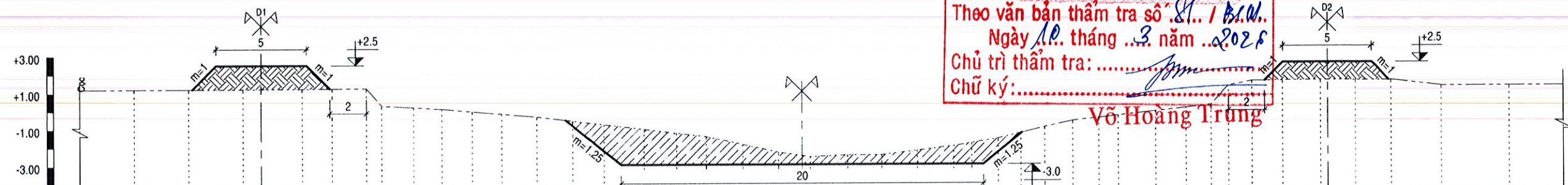
Theo văn bản thẩm tra số 81 / B.N.

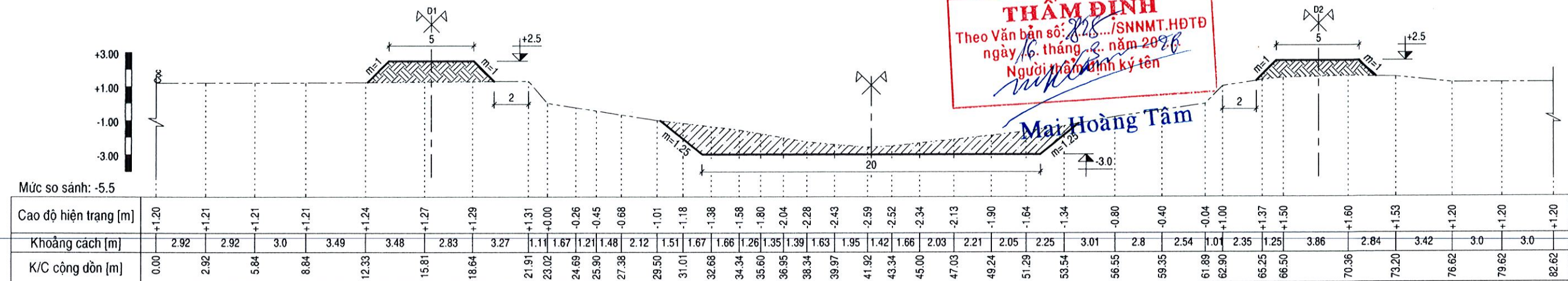
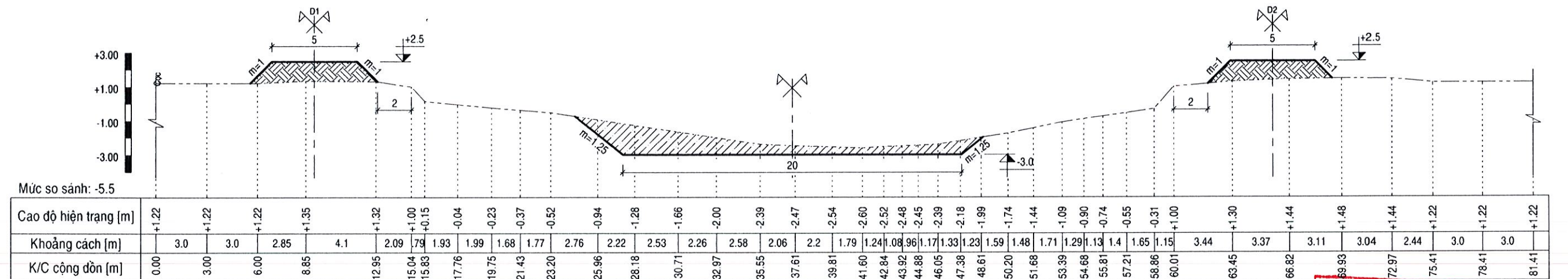
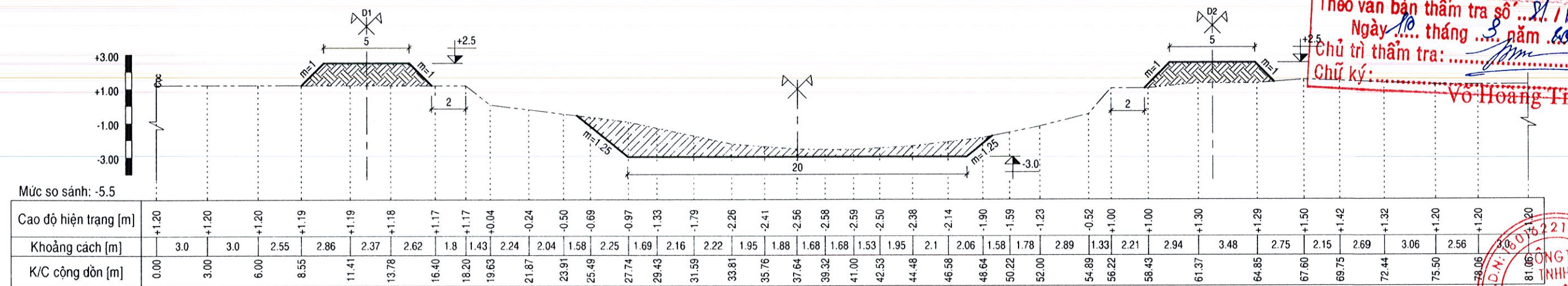
Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Chủ trì thẩm tra: [Signature]

Chữ ký: [Signature]

Võ Hoàng Trung

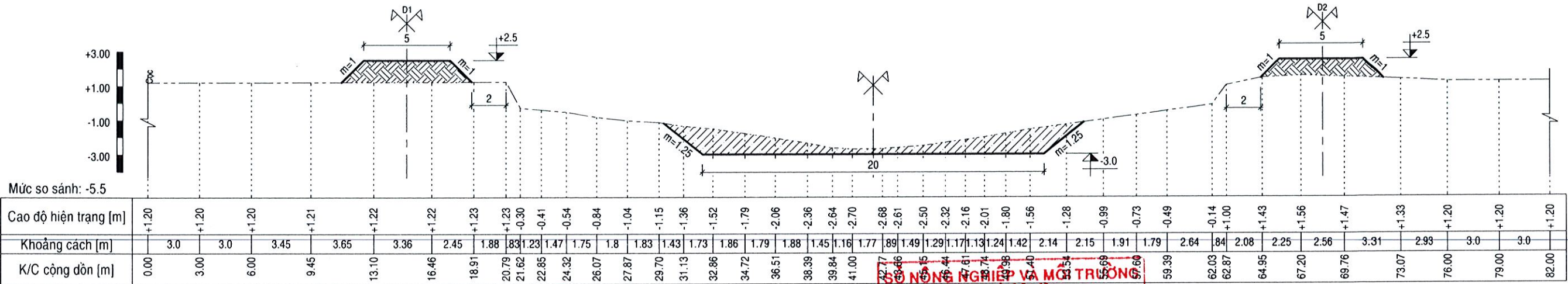
[illegible]

12+300 Đào: S= 22.46m²12+391 Đào: S= 19.34m²12+500 Đào: S= 20.35m²

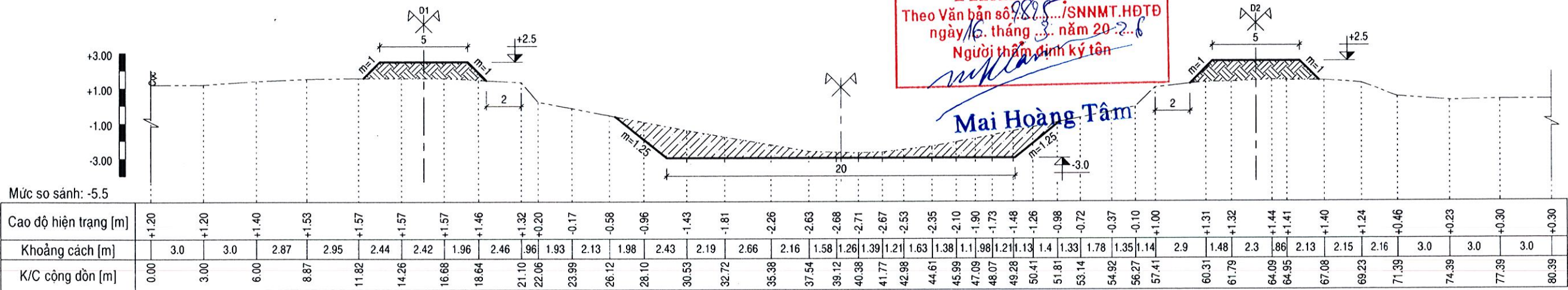
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số: 81/BCH
 Ngày 10 tháng 3 năm 2026
 Chủ trì thẩm tra: *[Signature]*
 Chữ ký: *[Signature]*
 Võ Hoàng Trung



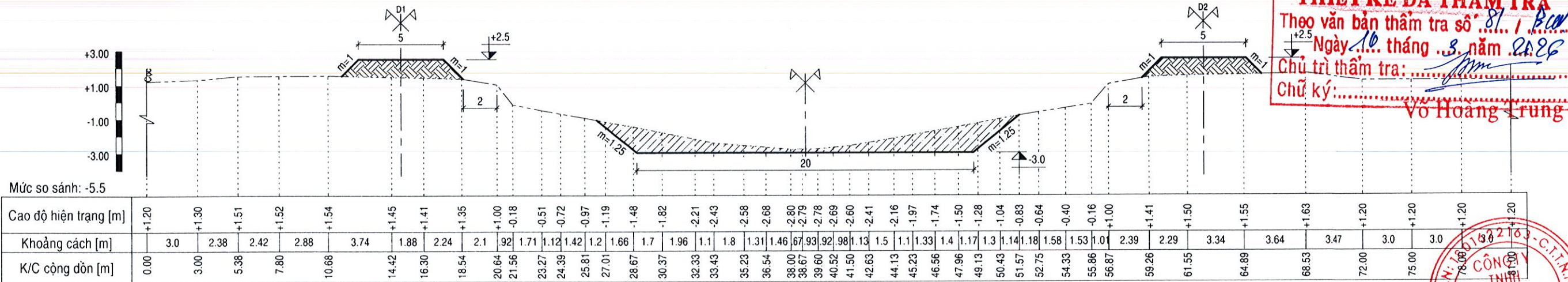
12+600 Đào: S= 20.15m²



12+700 Đào: S= 21.26m²



12+800 Đào: S= 18.95m²



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 9885/SNNMT.HĐTD
ngày 16 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 81/BCH
Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Chủ trì thẩm tra: Võ Hoàng Trung
Chữ ký:

CÔNG TY TNHH
XÂY DỰNG TỔNG HỢP
MINH TÂM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

[illegible]

Mai Hoàng Tâm

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.20	+1.30	+1.47	+1.42	+1.37	+1.33	+1.17	+1.00	-0.13	-0.12	-0.66	-0.92	-1.28	-1.65	-1.94	-2.18	-2.47	-2.60	-2.68	-2.62	-2.50	-2.36	-2.15	-2.04	-1.85	-1.55	-1.11	-0.70	-0.35	-0.25	-0.16	+1.00	+1.13								
Khoảng cách [m]	3.0	3.23	3.67	2.38	2.76	2.38	3.8	86.5	1.58	2.62	1.32	1.81	1.86	1.31	1.43	1.19	1.45	1.76	1.68	1.72	1.38	1.62	1.89	1.94	1.65	1.5	2.11	2.02	1.73	1.4	1.33	1.33	2.3	2.66	2.57	2.44	3.44					
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.00	6.23	9.90	12.28	15.04	17.42	21.22	22.08	22.58	24.16	26.78	28.10	29.91	31.77	33.20	34.39	35.84	37.60	39.28	41.00	42.38	44.00	45.89	48.83	48.48	49.98	52.09	54.11	55.84	57.24	58.57	59.28	59.81	62.11	64.77	67.34	69.43	71.84	75.56	78.00	81.44

Mức so sánh: +3.5	
Cao độ hiện trạng [m]	+1.20 +1.45 +1.76 +1.65 +1.55 +1.47 +1.38 +1.12 +1.28 +0.15 -0.29 -0.83 -1.21 -1.54 -1.79 -2.02 -2.19 -2.35 -2.52 -2.50 -2.45 -2.40 -2.34 -2.19 -2.01 -1.82 -1.34 -0.89 -0.50 -0.13 +0.01 +0.16 +1.22 +1.28 +1.34 +1.32 +1.29 +1.51 +1.49 +1.40 +1.29 +1.20
Khoảng cách [m]	1.69 2.11 2.68 2.56 2.14 2.23 2.59 5.8 1.62 1.74 2.27 1.44 1.72 1.43 1.33 1.2 1.69 1.22 1.0 1.0 0.95 1.06 1.25 1.43 1.55 2.45 1.82 1.58 1.5 1.33 1.53 1.04 1.31 1.3 1.96 1.97 1.54 2.13 2.36 2.15 1.92
K/C cộng dồn [m]	0.00 1.69 3.80 6.46 9.04 11.18 13.41 16.00 16.58 18.20 19.94 22.21 23.65 25.37 26.80 28.13 29.33 31.02 32.24 33.24 34.24 35.19 36.25 37.50 38.93 40.48 42.93 44.75 46.33 47.83 49.16 50.69 51.73 53.04 54.34 56.30 58.27 59.81 61.94 64.30 66.45 68.37

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIỆT KẾ ĐÃ THẨM TRA

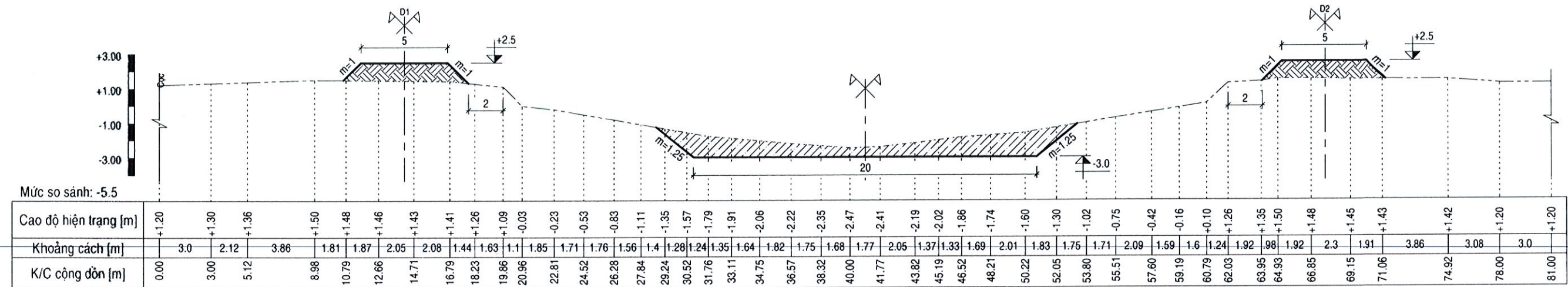
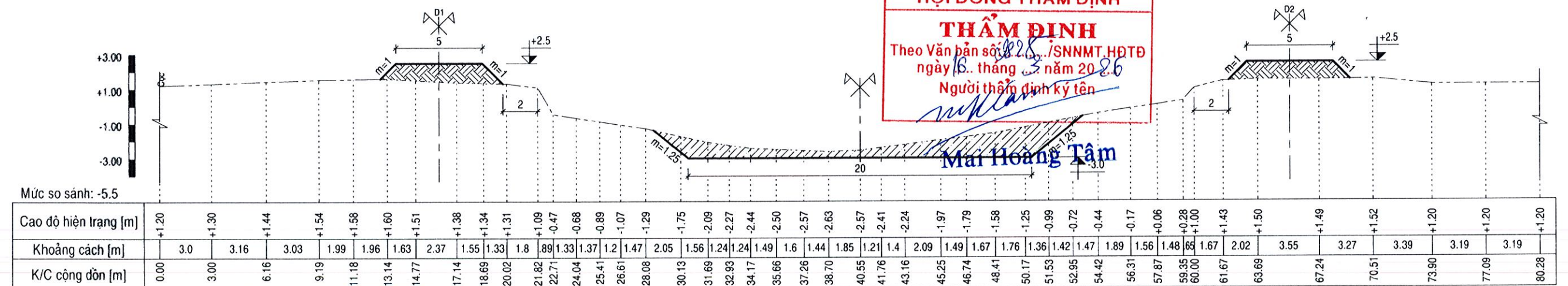
Theo văn bản thẩm tra số 81 / B.CM...

Ngày 18 tháng 8 năm 2023

Chủ trì thẩm tra: [Signature]

Chữ ký: Võ Hoàng Trung

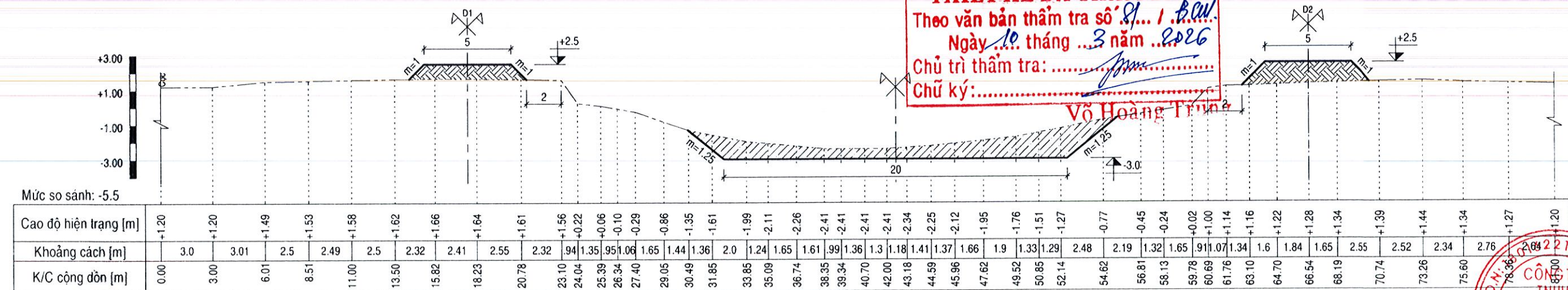


13+200 Đào: S= 22.16m²13+300 Đào: S= 20.49m²

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 28.../SNNMT.HĐTĐ
ngày 16... tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

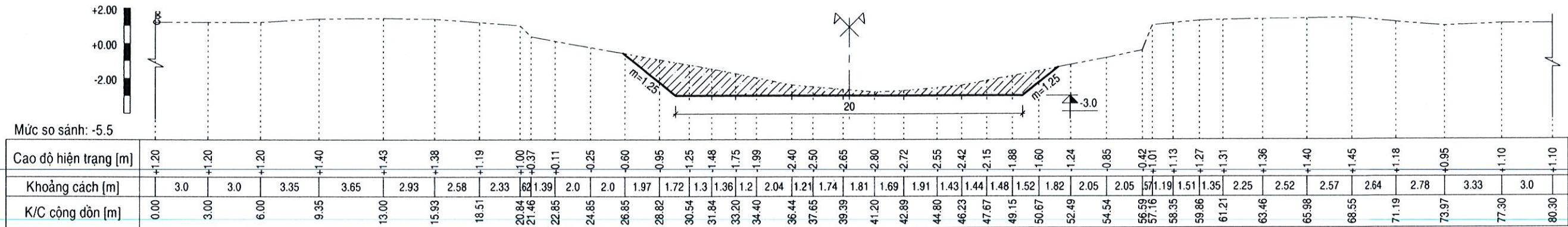
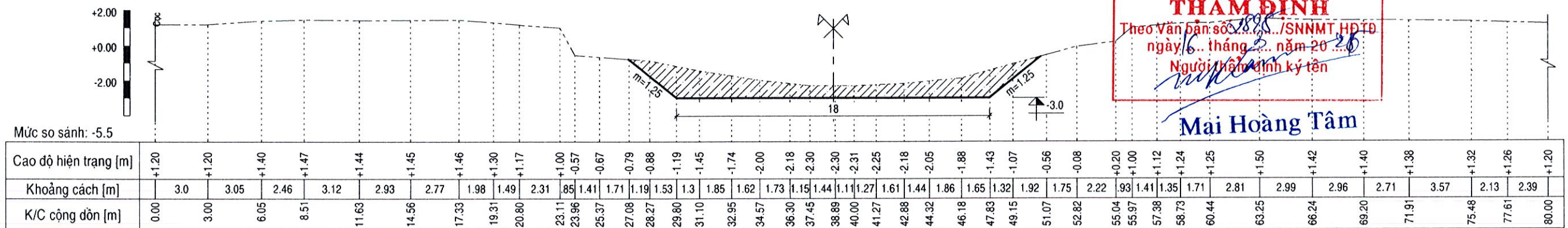
13+400 Đào: S= 22.47m²

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số 81.../BCH...
Ngày 10... tháng 3 năm 2026
Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trùng

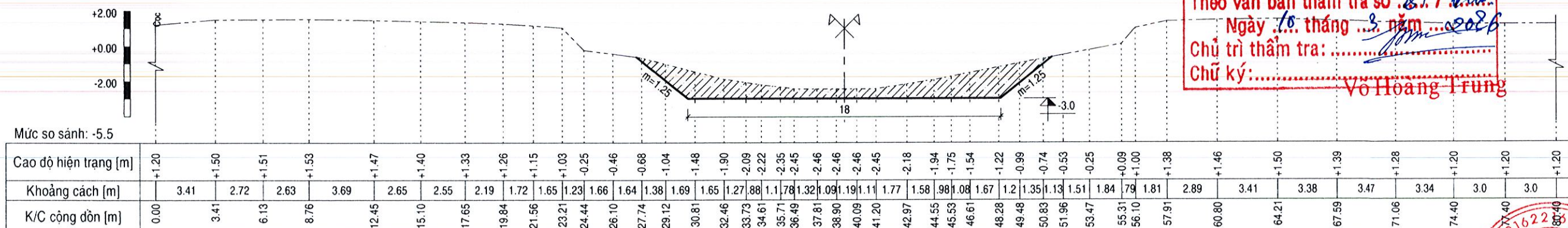


13+500 Đào: $S = 19.47m^2$ 13+600 Đào: $S = 23.32m^2$ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 2885/SNNMT-HĐTD
ngày 16 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

13+700 Đào: $S = 21.96m^2$ 

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số 811/BCH

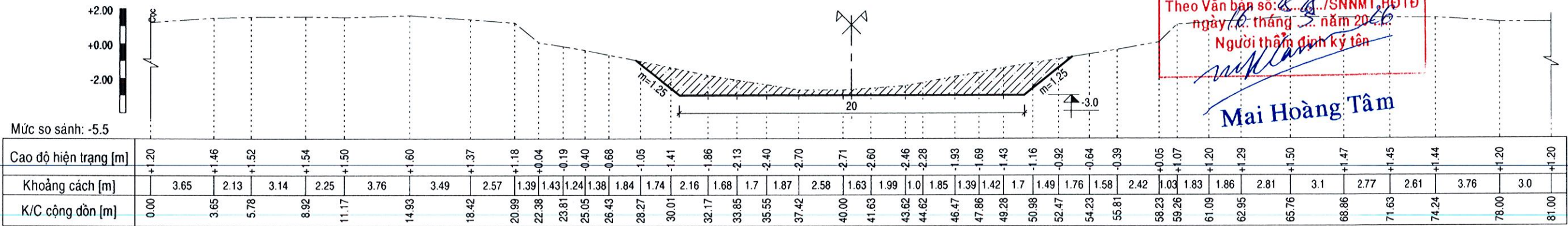
Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Chủ trì thẩm tra: Võ Hoàng Trung

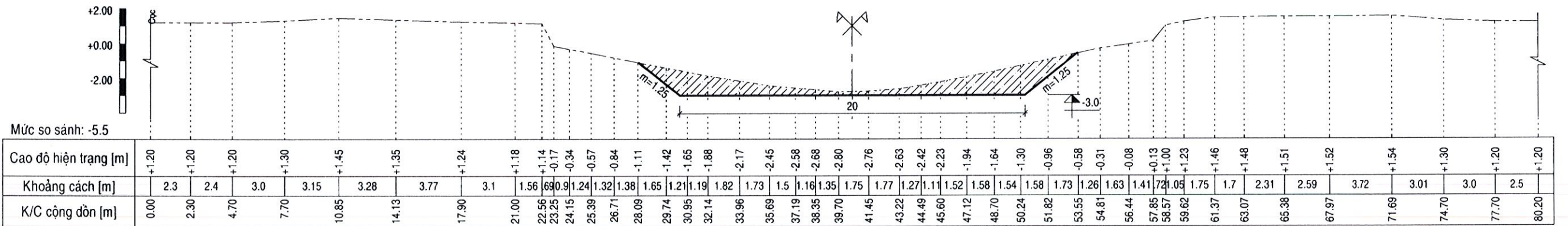
Chữ ký: Võ Hoàng Trung



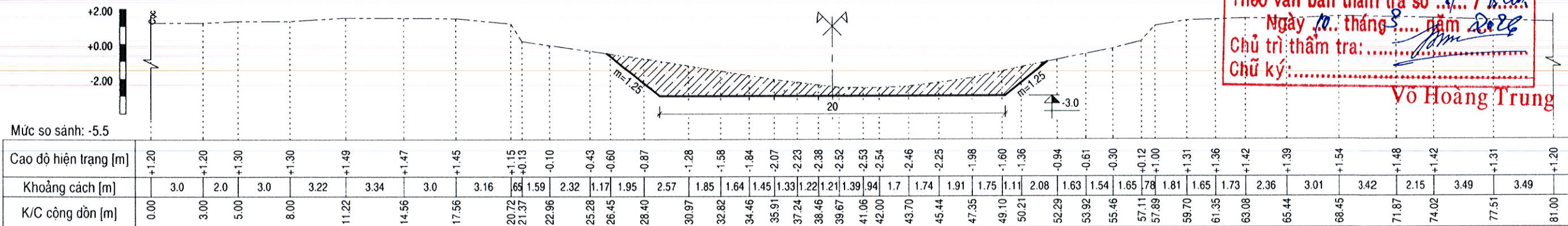
13+800 Đào: S= 20.55m²



13+900 Đào: S= 19.29m²



14+000 Đào: S= 24.24m²



[illegible]

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 2888/SNNMT.HỢTĐ
ngày 16 tháng 06 năm 2026
Người thẩm định ký tên

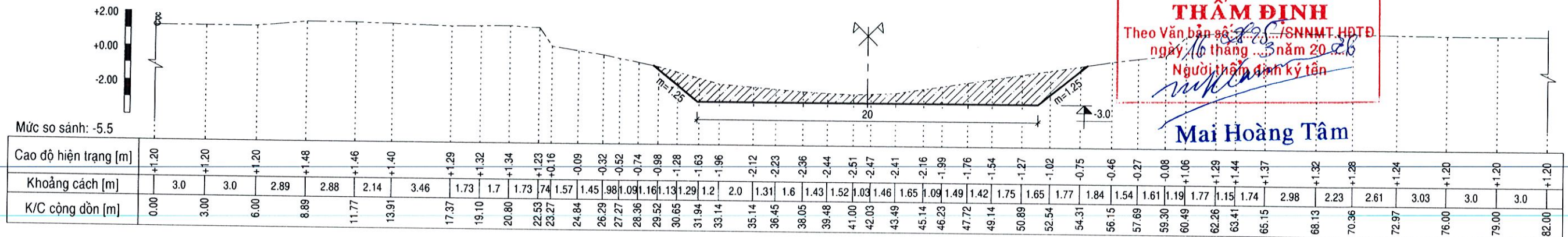
[illegible]

A vertical column with a horizontal line at 0.00. The column is divided into segments by horizontal lines. The segments are labeled with values: +2.00, +0.00, -2.00, and -2.00. A vertical line labeled 'Cpx' is shown to the right of the column.

Đòn [m]	0.00	3.00	2.59	2.76	8.35	2.71	2.79	13.85	2.52	2.81	19.18	1.94	21.12	22.16	23.37	24.05	25.82	27.22	28.52	29.65	30.94	32.27	1.68	33.95	35.15	36.37	37.35	38.40	39.45	40.33	41.41	42.58	43.89	45.20	46.35	47.76	49.22	50.98	52.29	53.98	55.43	56.88	58.86	60.46	62.24	65.29	3.11	71.18	74.40	77.40	80.40
Đòn [m]	0.00	3.00	2.59	2.76	8.35	2.71	2.79	13.85	2.52	2.81	19.18	1.94	21.12	22.16	23.37	24.05	25.82	27.22	28.52	29.65	30.94	32.27	1.68	33.95	35.15	36.37	37.35	38.40	39.45	40.33	41.41	42.58	43.89	45.20	46.35	47.76	49.22	50.98	52.29	53.98	55.43	56.88	58.86	60.46	62.24	65.29	3.11	71.18	74.40	77.40	80.40
Đòn [m]	0.00	3.00	2.59	2.76	8.35	2.71	2.79	13.85	2.52	2.81	19.18	1.94	21.12	22.16	23.37	24.05	25.82	27.22	28.52	29.65	30.94	32.27	1.68	33.95	35.15	36.37	37.35	38.40	39.45	40.33	41.41	42.58	43.89	45.20	46.35	47.76	49.22	50.98	52.29	53.98	55.43	56.88	58.86	60.46	62.24	65.29	3.11	71.18	74.40	77.40	80.40
Đòn [m]	0.00	3.00	2.59	2.76	8.35	2.71	2.79	13.85	2.52	2.81	19.18	1.94	21.12	22.16	23.37	24.05	25.82	27.22	28.52	29.65	30.94	32.27	1.68	33.95	35.15	36.37	37.35	38.40	39.45	40.33	41.41	42.58	43.89	45.20	46.35	47.76	49.22	50.98	52.29	53.98	55.43	56.88	58.86	60.46	62.24	65.29	3.11	71.18	74.40	77.40	80.40
Đòn [m]	0.00	3.00	2.59	2.76	8.35	2.71	2.79	13.85	2.52	2.81	19.18	1.94	21.12	22.16	23.37	24.05	25.82	27.22	28.52	29.65	30.94	32.27	1.68	33.95	35.15	36.37	37.35	38.40	39.45	40.33	41.41	42.58	43.89	45.20	46.35	47.76	49.22	50.98	52.29	53.98	55.43	56.88	58.86	60.46	62.24	65.29	3.11	71.18	74.40	77.40	80.40
Đòn [m]	0.00	3.00	2.59	2.76	8.35	2.71	2.79	13.85	2.52	2.81	19.18	1.94	21.12	22.16	23.37	24.05	25.82	27.22	28.52	29.65	30.94	32.27	1.68	33.95	35.15	36.37	37.35	38.40	39.45	40.33	41.41	42.58	43.89	45.20	46.35	47.76	49.22	50.98	52.29	53.98	55.43	56.88	58.86	60.46	62.24	65.29	3.11	71.18	74.40	77.40	80.40
Đòn [m]	0.00	3.00	2.59	2.76	8.35	2.71	2.79	13.85	2.52	2.81	19.18	1.94	21.12	22.16	23.37	24.05	25.82	27.22	28.52	29.65	30.94	32.27	1.68	33.95	35.15	36.37	37.35	38.40	39.45	40.33	41.41	42.58	43.89	45.20	46.35	47.76	49.22	50.98	52.29	53.98	55.43	56.88	58.86	60.46	62.24	65.29	3.11	71.18	74.40	77.40	80.40
Đòn [m]	0.00	3.00	2.59	2.76	8.35	2.71	2.79	13.85	2.52	2.81	19.18	1.94	21.12	22.16	23.37	24.05	25.82	27.22	28.52	29.65	30.94	32.27	1.68	33.95	35.15	36.37	37.35	38.40	39.45	40.33	41.41	42.58	43.89	45.20	46.35	47.76	49.22	50.98	52.29	53.98	55.43	56.88	58.86	60.46	62.24	65.29	3.11	71.18	74.40	77.40	

Chữ ký: Vũ Hoàng Trung

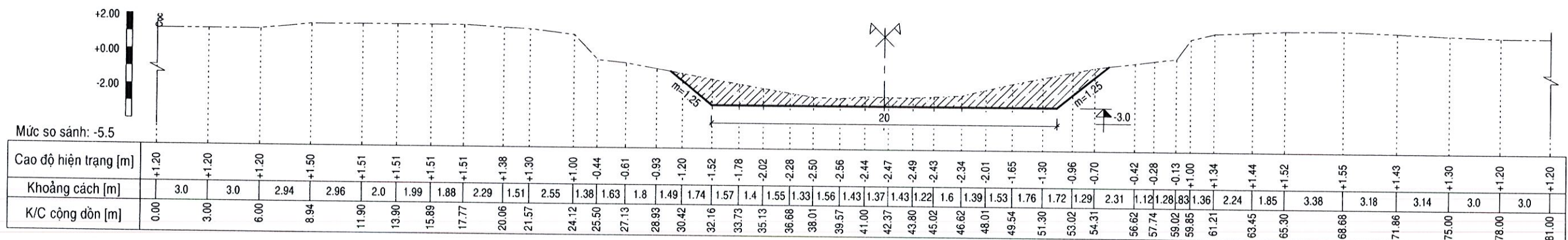
Vô Hoàng Trung

14+400 Đào: $S = 23.54\text{m}^2$ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: .../SNNMT-HĐĐT
ngày 16 tháng 3 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

14+500 Đào: $S = 22.16\text{m}^2$ 

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

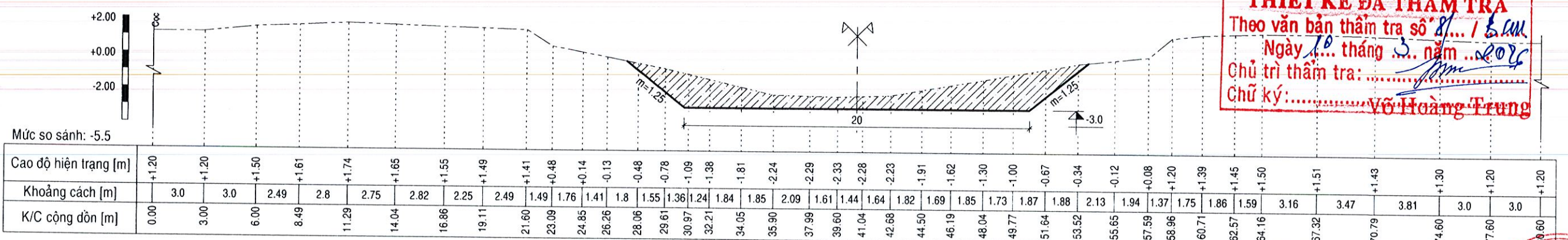
THIẾT KẾ ĐẤ THẨM TRA

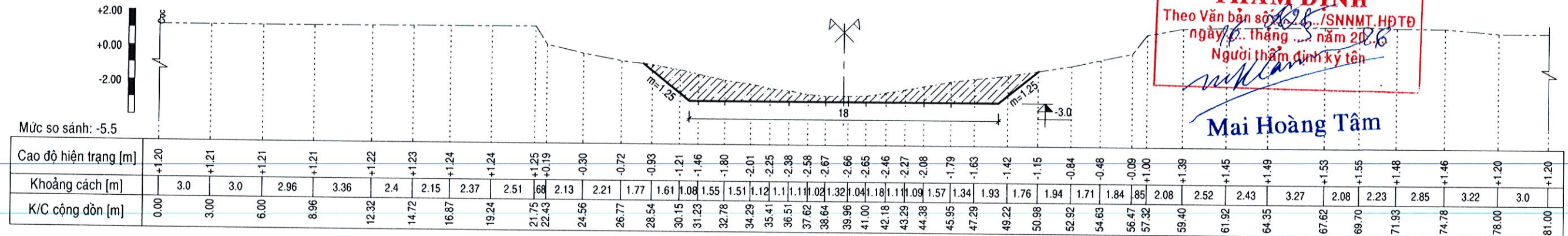
Theo văn bản thẩm tra số 8.../SNNMT

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Chủ trì thẩm tra: ...

Chữ ký: ... Võ Hoàng Trung

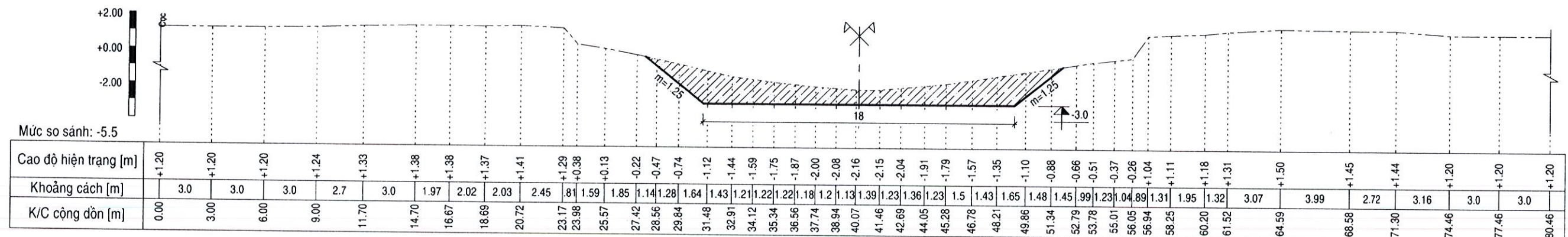
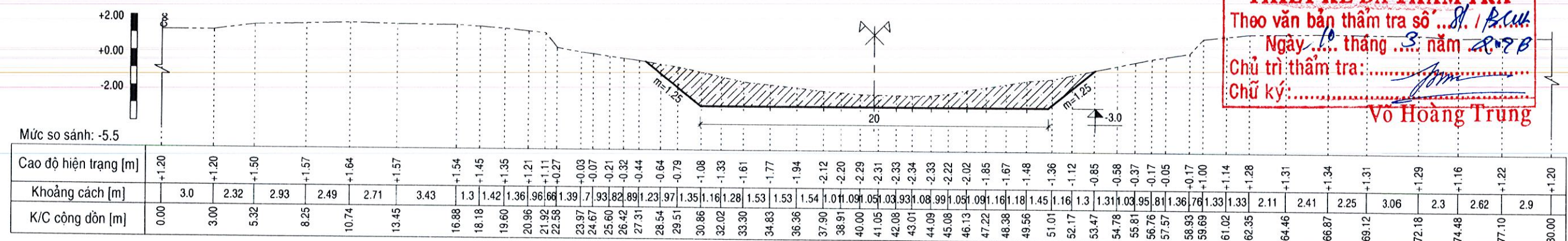
14+600 Đào: $S = 30.78\text{m}^2$ 

14+700 Đào: $S = 19.71\text{m}^2$ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 225/SNNMT.HPTĐ
ngày 10 tháng 03 năm 2023
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

14+800 Đào: $S = 28.02\text{m}^2$ 14+900 Đào: $S = 26.96\text{m}^2$ 

CTY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

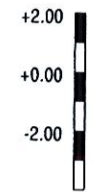
Theo văn bản thẩm tra số 81/PC.Ư.

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Chủ trì thẩm tra: Võ Hoàng Trung

Chữ ký: Võ Hoàng Trung



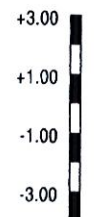
15+000 Đào: S= 21.73m²

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.36	+1.50	+1.52	+1.54	+1.55	+1.57	+1.49	+1.42	+1.36	+1.28	+1.02	-0.09	-0.32	-0.56	-0.84	-1.09	-1.23	-1.56	-1.76	-1.99	-2.11	-2.15	-2.09	-2.14	-2.23	-2.21	-2.21	-2.15	-2.15	-1.90	-1.69	-1.58	-1.36	-1.16	-1.02	-0.76	-0.54	-0.27	-0.15	-0.02	+0.92	+1.04	+1.14	+1.31	+1.43	+1.52	+1.61	+1.58	+1.55	+1.42	+1.29	+1.24	+1.20	+1.20	+1.20
Khoảng cách [m]	2.99	2.74	1.68	2.14	9.55	12.38	14.97	1.95	2.03	1.63	2.09	85	1.39	1.25	1.31	1.36	1.17	1.18	1.30	31.01	36.82	79.97	61.73	62.81	98.98	98.98	41.41	42.37	43.25	44.16	45.24	46.20	47.37	48.65	49.90	51.37	52.50	53.69	54.34	55.96	57.33	59.00	60.25	61.86	63.59	65.11	66.45	67.68	69.97	72.48	74.68	77.00	80.00			
K/C cộng dồn [m]	0.00	2.99	5.73	7.41	9.55	12.38	14.97	16.92	18.95	20.58	22.67	23.52	24.91	26.16	27.47	28.83	30.00	31.18	32.31	33.11	34.12	35.08	35.90	36.69	37.66	38.27	39.00	39.62	40.43	41.41	42.37	43.25	44.16	45.24	46.20	47.37	48.65	49.90	51.37	52.50	53.69	54.34	55.96	57.33	59.00	60.25	61.86	63.59	65.11	66.45	67.68	69.97	72.48	74.68	77.00	80.00

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**THẨM ĐỊNH**Theo Văn bản số 2825/SNNMT.HĐTD
ngày 16 tháng 03 năm 2020
Người thẩm định ký tên

Mai Hoàng Tâm

15+100 Đào: S= 28.41m²

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.20	+1.50	+1.76	+1.86	+2.04	+2.08	+1.96	+1.98	+1.99	+2.01	+2.30	+2.28	+0.56	+0.30	+0.12	-0.13	-0.36	-0.56	-0.83	-1.21	-1.56	-1.86	-2.00	-2.12	-2.08	-2.08	-1.97	-1.87	-1.42	-0.94	-0.67	-0.42	-0.13	+0.15	+0.40	+0.67	+2.35	+2.35	+2.07																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
-----------------------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	-------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

15+200 Đào: S= 21.93m²

Mức so sánh: -5.5

Cao độ hiện trạng [m]	+1.65	+1.84	+1.84	+1.90	+1.93	+1.98	+1.99	+1.97	+2.20	+2.22	+0.47	+0.20	-0.05	-0.64	-1.28	-1.55	-1.73	-1.82	-1.93	-2.01	-2.09	-2.17	-2.22	-2.19	-1.99	-1.72	-1.35	-1.08	-0.56	-0.25	+0.25	+0.49	+0.71	+2.33	+2.34	+2.02	+1.93	+1.93	+1.92	+1.79	+1.62	+1.47	+1.47	
Khoảng cách [m]	3.41	3.0	2.64	3.75	3.01	2.6	2.54	62.98	1.14	1.77	1.54	1.34	1.74	1.41	1.95	1.18	1.41	1.03	1.04	1.8	1.1	1.44	1.94	1.23	1.75	1.26	1.75	1.06	1.7	1.18	1.09	1.3	1.97	2.98	2.63	2.33	2.48	3.39	3.93	3.0	3.0	3.0		
K/C cộng dồn [m]	0.00	3.41	6.41	9.05	12.80	15.81	18.41	20.95	22.57	22.55	23.69	25.46	27.00	28.34	30.08	31.49	32.44	33.62	35.03	36.06	37.10	38.90	40.00	41.44	42.38	43.61	45.36	46.62	48.37	49.43	51.13	52.31	53.40	54.70	55.67	56.26	59.24	61.87	64.20	66.68	70.07	74.00	77.00	80.00

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG BẢO HƯNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số 81/KCN.

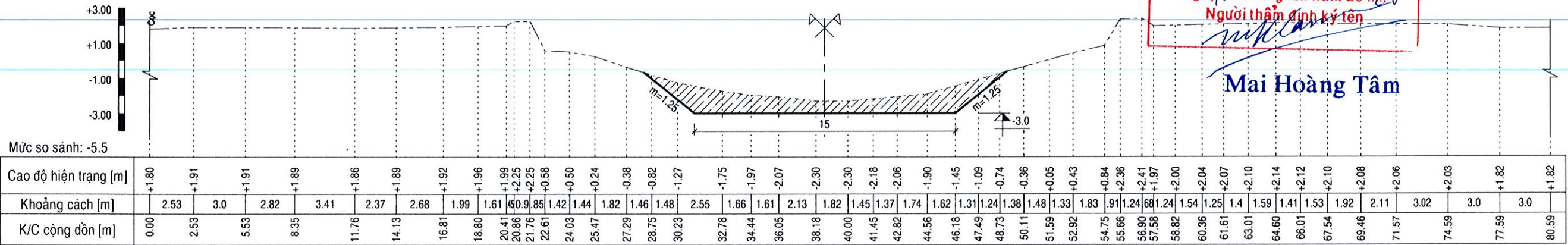
Ngày 10 tháng 03 năm 2020

Chủ trì thẩm tra:
Chữ ký:

Võ Hoàng Trung



15+300 Đào: S= 19.39m²



15+333 Đào: S= 26.00m²

